

tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ năm • số 4 • giá 15 đồng

Khởi Hành

chủ nhiệm chủ bút: anh việt trần văn trọng • thư ký tòa soạn: viên linh

May 22-28 1969

1968, đó là nhân tố bức hình thu hẹp dưới đây, chụp từ một tấm hàn đồng của điêu khắc gia Mai Chững. Sau nhiều tháng trời làm việc, cùng với sự phụ giúp của hai người thợ, Mai Chững đã hoàn tất một tác phẩm vi đại với chiều dài 4m và chiều cao 1m50. Hiện tấm hàn đồng này được trưng bày tại Cristal Palace, đường Nguyễn Trung Trực và Phòng Triển Lãm của người điêu khắc Quân Đội này còn đang mở cửa, tại nhà hàng Continental, phòng Dolce-Vita. Mời quý bạn đi xem trong giờ cơm.

NG. MANH CÔN
định nghĩa văn hóa

TRỊNH CÔNG SƠN
nghe lại cuộc đời

NGUYỄN ĐẠT
thơ tưởng 69



DƯƠNG
NGHIÊM
MẬU

tiếng hát trong
cuộc chiến này

T RUA nắng oi nồng, mặt trời trên đỉnh đầu, những ngọn cây đứng im, hai hàng tre rũ... Chợt Mai lẻo tẻo, những bóng mát thu nhỏ, chúng tôi đi vào con đường đất bột sâu trong làng. Ngôi trường học nằm bên tay trái, không sân trống rộng, không một bóng cây. Đó, ngôi trường học thời chiến: không có trống, không bàn ghế, không có chấm ngôn, bảng danh dự, hình danh nhân trên tường, không bảng đen... Những cánh cửa mở rộng, đó là những lớp học của gió, và lớp học của

những từ thì... Bước chân lên tam cấp giữa ngôi trường, gian phòng giữa đó: những chiếc áo quan đóng bằng thùng sữa, màu sơn đỏ n hoả nhuêch, không có ván thiêu chôn lên nhau nơi một góc phòng, có hai con chim sẻ đậu trên thành cửa... Đi về bên tay trái: gian thứ nhất, những chiếc quan tài để ngửa trên nền nhà, giấy đỏ giải không kín, trên mỗi quan tài để những bình hương, tàn hương đỏ đầy trên mặt ván thiêu. Một người đang quay quẩn bên một chiếc quan tài đang được mở ra, mọi người nhìn vào đó, một ông già miệng nhai trầu, đầu bịt khăn đang lấy tay bới những đốt xương lấy nhầy đất, mấy người bao khầu bằng vải cũ xuống, những khuôn mặt thất vọng, một người vải trắng được bỏ vào trong che kín lại, tấm gỗ mỏng manh đẩy lên, tiếng búa đập lên, tiếng kêu khô khan vang động... (Tiếng gõ ba hồi xuống ván, nghe như vỗ đập áo quan (1)... Những câu truyện, lời bàn tán bên ngoài hiện, đàn ông, đàn

bà, trẻ con đi lại trên đó, ngồi nơi lan can chậm chạp, thờ thần. Gian phòng thứ hai: những quan tài xếp hàng. Cả hai phòng đều là những quan tài ngấn, một người thường nằm không thể vừa... Những con chim sẻ bay, đậu trên khung cửa, tiếng chim nghe rõ trong buổi trưa nắng. Những nén hương tàn... Gian phòng thứ ba: hai bàn thờ áp vào tường, một bên Phật, một bên Chúa... Những bông hoa còn tươi và đã héo, hai ngọn nến, nhiều cây hương cháy, khói tỏa bay... Gian phòng thứ ba, cuối cùng phía bên này ngôi trường học, gian phòng rộng như một nhà chơi, nền thấp xuống, những chiếc quan tài dài hơn, rộng hơn, sơn màu đỏ tía, kê trên những thanh gỗ, những cây hương đang được một người đàn bà lần lượt cắm lên đầu những quan tài. Nơi bên này áp vào tường một bàn thờ có những đồng bánh lá, một người đàn ông đang rắc một thứ bột trắng trong một hộp giấy có những dòng chữ Anh, những đàn ruồi bay lên rồi đậu

xuống... Mùi hôi vấy quanh, không một tiếng khóc... Tôi bỏ chạy ra ngoài sân cỏ, giữa nắng, tôi muốn nôn... Tôi nghĩ tới những con số được ghi trên những đầu quan tài: 210, 612... Những con số cho mỗi định mệnh... Bác mang tang ai vậy? Chồng. Bác tìm thấy xác bác trai? Tìm thấy từ đợt đầu. Trong gia đình bác có những ai bị nạn? Chồng, một thằng con, một đứa cháu. Những người kia tìm thấy xác chưa? Chưa nơi... Em cũng có người trong nhà bị giết sao? Ba người anh. Tìm thấy chưa? Chưa nơi... Có đàn bà chết không bác? Có, bảy người gì đó. Làm sao để nhận được? Có nơi quân áo, tóc, có cái chỉ gì đó, xác còn tươi, người ta lãnh về chôn rồi, chỉ tại chết không có quân áo... Không có một vảnh khăn tang. Không có cả tiếng khóc. Những xác chết ấy không được ghi lại tên của chính họ khi còn sống, họ có những con số. Những người đến đó đều có người chết trong gia đình nhưng không tìm thấy. Họ đến đó

(Xem tiếp trang 4)

(1) Theo Trần Lê Nguyên



Ký giả Lô Răng NGƯỜI VÀ VẬT

LẠI NÓI VỀ « THĂNG BỜM »

● Trong số trước cũng như trên số này, người bạn Thiện Căn của tôi có nêu ra vấn đề « nên hiểu bài thăng Bờm như thế nào? ». Ở Saigon bây giờ cũng có quán « thăng Bờm » do một số anh em sinh viên phụ trách, tôi lại được tin rằng: nhóm chủ trương quán đang có ý định mở một cuộc thảo luận về ý nghĩa thăng Bờm. Anh đồ giả Thiện Căn cũng như các anh đồ trẻ đang làm cái việc « trở về nguồn ». Cho tôi góp với một vài ý kiến...

Thăng Bờm có cái quạt mo
Phú ông xin đổi ba bò, chín trâu...
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy trâu
Phú ông xin đổi ao sâu, cá mè...
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mè
Phú ông xin đổi ba bè gỗ lim...
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy lim
Phú ông xin đổi con chim đồi mồi...
Bờm rằng: Bờm chẳng lấy mồi
Phú ông xin đổi năm xoi — Bờm cười.

Đây là những câu ca dao thuộc vào loại phổ biến nhất của văn học dân gian. Đã gọi là văn học dân gian thì khó lòng mà biết được xuất xứ đích thực của nó. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng bài ca dao này được hình thành trước khi đất nước này bị cái văn minh cơ khí của miền biển Địa Trung kia tràn tới. Khi ông Tây mang cái nhãn hiệu « đi khai hóa cho dân bờn xứ » đến đất nước này, ông mang theo luôn những giá trị mới những nhu cầu mới. Những « ông nghề ông công » thất nghiệp nhường chỗ cho những « ông thông, ông phán » — « ngày ba bữa vỗ bụng rau bịch bịch » nhường chỗ « tôi rượu sâm banh sáng sửa bờ » — « thuyền máy lá đóng tây lạng ngất » nhường chỗ cho « cái còi tu tu nó sắp sửa kéo cầu » — « đêm qua ra đứng chờ ao » nhường chỗ cho « đèn Mỹ Tho ngọn lu, ngọn tổ ». Văn chương, dù là bình dân hay bác học, đều phải khoác lên mình cái áo của thời đại nó.

● Bây giờ, nhìn vào sự đối trác giữa phú ông và thăng Bờm trong bài ca dao kể trên, chúng ta không hề thấy một dấu vết nào của cơ khí, mà đơn thuần là những giá trị cơ bản của một nền nông nghiệp thủ công. Nào trâu, nào bò, nào ao, nào cá, nào gỗ lim, nào chim đồi mồi... Nhưng tất cả những giá trị đó đều thua giá trị của một « năm xoi ». Thăng Bờm chê hết mọi thứ, chỉ cười khi được một năm xoi, một sản phẩm đã nuôi nó sống. Phải chăng ông cha chúng ta đã lấy biểu tượng « năm xoi » để tự bằng lòng, tự hiển vinh với nền văn minh nông nghiệp của mình? Phải chăng, bài ca dao thăng Bờm là một hình thức phản kháng trước sự xâm ăng của « những cái gọi là những nguồn văn minh mới »?

● Đến đây một vấn nạn được đặt ra. Ở trong một nền văn minh nông nghiệp thủ công, một phú ông có ba bò, chín trâu, có ao sâu cá mè, có ba bè gỗ lim, có con chim đồi mồi, có xoi ăn no bụng thì có thể coi như là vinh quang tột đỉnh của nhà nông rồi. Tại sao lại phải đem tất cả gia sản đổi lấy một vật hết sức tầm thường: cái quạt mo? Quạt mo ở thôn quê đâu mà không có. Theo như chỗ tôi được biết quạt mo có hai thứ: quạt mo nang và quạt mo cau. Quạt mo nang làm bằng một thứ bẹ của cây tre loại lớn (tre bương). Nhưng loại quạt này không được ưa chuộng bằng quạt mo cau vì không bền, chóng rách và có những cái rằm nhỏ đâm vào tay ngứa ngáy khó chịu. Quạt mo cau bền, dẻo, mát và mỗi khi quạt còn vương vấn chút hương của thứ hoa « cò diên »: hoa cau. Dù làm bằng bẹ tre hay cuống lá cau, quạt mo hết sức dễ thấy, dễ làm ở đồng quê VN. Không lẽ một phú ông có dinh cơ, tài sản lớn lao như thế mà lại không có nổi một thứ quạt « rẻ tiền » như vậy. Cho nên, tôi nghĩ rằng « Cái quạt mo » ở đây không đơn thuần là một dụng cụ làm cho mát, mà nó chỉ là biểu tượng. Biểu tượng muốn được nhân nhả, mát mẻ trong cuộc sống.

● Người ta thường bảo rằng cái triết lý của người Đông Phương nói chung, Việt Nam nói riêng là triết lý, « nhất nguyên — (vạn vật nhất thể) ». Con người sống trong sự hòa hợp với thiên nhiên — khác với triết lý nhị nguyên của Tây Phương coi việc chinh phục thiên nhiên làm lẽ sống. Người Tây Phương càng chinh phục được thiên nhiên bao nhiêu, càng có nhiều tiện nghi bấy nhiêu. Nhưng càng có nhiều tiện nghi, con người càng bị trôi bấp vào những nhu cầu đó. Cuộc sống trở thành một chuỗi những sự chinh phục tiện nghi không biết bao giờ cho đủ. Ở một góc trời hẻo lánh vùng Đông Nam Á, có một dân tộc chủ trương rằng « có đủ cơm ăn — có một cái quạt để làm cho mát mẻ tâm hồn, như thế là đủ rồi, và cũng không nên mong mỏi gì hơn nữa ».

• LÊ HÀ NAM

THỜI SU nghe thuật

PHÒNG TRIỂN LÂM VĂN CÒN MỞ CỬA

Thay vì đóng cửa ngày 18-5, phòng triển lãm Hội Họa và Điêu Khắc của Cù Nguyễn và Mai Chửng vẫn còn mở cửa.

Cù Nguyễn là 1 Họa Sĩ nổi tiếng từng triển lãm nhiều lần.

Lần này, 15 bức tranh sơn dầu, được sáng tác trong khoảng thời gian từ 1966-1968, gồm hai loại Trừu Tượng và Siêu Thực, chúng tôi tin chắc người thường ngoạn sẽ hài lòng hơn nữa với thể tài mới lạ và lối dùng màu thâm trầm, mang nhiều ẩn dụ của Cù Nguyễn.

Riêng phần triển lãm điêu khắc, trông cũng nên nhấn mạnh rằng, có lẽ đây là lần đầu tiên, có một cuộc triển lãm điêu khắc nói chung và của điêu khắc gia Mai Chửng nói riêng.

Với Mai Chửng, có thể nói, ông là một điêu khắc gia trẻ tuổi nhưng vững vàng nhất hiện nay. Trước khi nhập ngũ, ông giáo sư là điêu khắc tại trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế.

Mặc dù còn trong quân ngũ, người ta thấy ông vẫn dành hết tâm trí cho công việc nghiên cứu và sáng tác.

Ở lần triển lãm đầu tiên này tại Saigon, ông cho trưng bày tất cả 9 bức tượng tiêu biểu trong khoảng thời gian từ 1963 đến 1986 Ngoài ra, còn có 10 bức Khảo Họa (Étude). Những bức Khảo Họa này là những sườn cần bản cho các tác phẩm điêu khắc sẽ được thực hiện trong tương lai.

Trả lời một câu hỏi của chúng tôi về hiện trạng điêu khắc tại đây, ông cho biết, số dĩ bộ môn điêu khắc, không phát triển mạnh mẽ được vì bộ môn này, đòi hỏi nơi điêu khắc quá nhiều công phu, tốn kém rất nhiều thì giờ và vật chất. Hơn thế nó đòi hỏi người theo đuổi bộ môn này, một cảm hứng bền bỉ, dài lâu vì mỗi bức tượng từ khi khởi sự cho đến lúc thành hình không thể nhanh tước 6 tháng. Do đó, có rất nhiều sinh viên mỹ thuật yêu thích bộ môn này, đã phải bỏ cuộc. Ngay cả một số ít đã tốt nghiệp, cũng không thể theo đuổi bộ môn này tới cùng khi va chạm tới thực tế. Về phía người thường ngoạn, ông cho biết rằng đa số rất thờ ơ với nghệ thuật điêu khắc vì nó còn quá xa lạ đối với họ. Thêm nữa, có một số người tự nhận là điêu khắc gia đã làm nản lòng giới thường ngoạn với những công trình nghệ thuật hụt hơi thiếu sinh khí. Với cả hai họa sĩ Cù Nguyễn và điêu khắc gia Mai Chửng, thì đây là kỳ triển lãm cuối cùng, trước khi hai ông chuyển hóa nghệ thuật của mình sang một giai đoạn mới.

TÌNH CA CỦA LÍNH AN PHA ĐỎ

Tình ca của lính An Pha Đỏ là tựa của tập thơ đầu tay của nhà thơ quân đội Nguyễn Nam.

Xuất thân từ khóa 24 Đà Lạt, Nguyễn Nam hiện đang phục vụ trong binh chủng Lực Lượng Đặc Biệt. Trong một cuộc hành quân cách đây không lâu, ông bị thương khá nặng và hiện đang chờ được đưa ra hội đồng giải ngũ.

Tình ca của lính An Pha Đỏ gồm trên dưới 30 bài thơ, đa số được làm trong thời gian tác giả điều trị tại Tổng Y Viện Cộng Hòa.

Mong tập thơ sớm được ra mắt và chúng tôi xin hân hoan giới thiệu Tình Ca Của Lính An Pha Đỏ với quý bạn đọc,

KỸ THUẬT LẤY CHỒNG

Đây là tựa của một phóng sự của Tô Ngọc đã đăng tải trên một tuần báo từ hơn một năm qua. Nay được in thành sách dưới nhãn của nhà xuất bản Ý Thức.

ĐỀ ĐƯƠNG ĐẦU VỚI CUỘC ĐẤU TRANH VĂN HÓA VÀ CHÁNH TRỊ CỦA C. S. B. V.

M Ớ I đây, 1 tờ báo ở Thủ Đức đã đề cập đến bài tiểu luận của Trần văn Giàu nói về sự biến chuyển của nền văn nghệ miền Nam từ thời Nhu Diệm đến nay.

Ở đây chúng tôi không đề cập đến giá trị văn nghệ của bài tiểu luận này, nhưng có một điều chúng ta không thể phủ nhận được, là ở « địa ngục cộng sản » bất cứ một sinh hoạt tập thể đại chúng nào cũng có leo lải cho rập khuôn theo đường lối của Đảng, vì thế bài tiểu luận nói trên của Trần văn Giàu chẳng những nhằm vào việc chia rẽ hàng ngũ văn hóa miền Nam mà còn có nhiều tác dụng khác.

Trước nhất là đối với nội bộ của « Bắc và Đàng », tuy rằng đa số các người có trách nhiệm về văn hóa đã tích cực chịu khép mình vào đường lối phát triển có lợi cho chánh sách của đảng nhưng nội tâm của bất cứ một con người văn nghệ nào mà không ước ao một mảnh trời trong sáng — một cảm nghĩ tự do và một sáng tạo phóng khoáng hơn !! Do đó bài tiểu luận của Trần văn Giàu nhằm đánh tan những cảm tình và ưa thích của văn nghệ sĩ miền Bắc đối với sự phát triển dồi dào của văn nghệ miền Nam trong khung cảnh thoải mái tự do mà họ hằng mong ước; thâm ý của Trần văn Giàu thấy rõ trong sự gán cho văn nghệ miền Nam nào là :

Không biết phóng sự mầy có giúp ích được phần nào cho chị em phụ nữ không trong việc tuyển lựa người bạn trăm năm.

Sách sẽ, phát hành trong tuần này, dày gần 200 trang.

VÒNG TAY LỬA II

Cũng trong vòng cuối tháng này truyện dài Vòng Tay Lửa cuốn 2 sẽ được nhà xuất bản Đại Ngã gửi tới tay bạn đọc.

Lần này bìa của Vòng Tay Lửa là một họa phẩm độc đáo của Ngọc Huyền. Ngoài ra còn có một phụ bản vẽ chân dung tác giả của họa sĩ Huy Tường.

MỘT NHÀ PHÁT HÀNH MỚI

Nhà văn Thế Nguyên vừa loan báo đã xúc tiến xong việc thành lập một nhà phát hành mới.

Tên nhà phát hành mới này cũng là tên nhà xuất bản Trình Bày, mà ông trông nom từ hơn hai năm qua.

Cuốn sách mở tay của nhà phát hành Trình Bày sẽ là cuốn truyện dịch Ngàn Cánh Hạc của KAWABATA Nobel văn chương 1968.

Ông cho biết việc thành lập nhà phát hành này, ngoài mục đích phát hành sách báo của chính nhà xuất bản của ông, cùng một số nhà xuất bản nhỏ khác, còn nhằm mục đích phát hành cho tất cả các tác giả có sách tự in lấy, dù thuộc loại khó bán nhất như Thơ hay biên khảo.

Ngay từ giờ phút này, các nhà xuất bản cũ con, các tác giả tự in lấy tác phẩm đã từng gặp nhiều khó khăn trong việc phát hành tác phẩm có thể liên lạc với nhà phát hành Trình Bày số 291 đại lộ Lý Thái Tổ, Saigon.

NGỘ NHẬN THANH SÁCH

Nhà xuất bản Quan Điểm cho lên khuôn vở kịch dài Ngộ Nhận (loại Lộng Ngôn) của kịch tác gia Vũ Khắc Khoan.

Độc giả của tạp chí Văn Đê hẳn chưa quên vở kịch Lộng Ngôn này vì đã được đăng nhiều kỳ liên tiếp trong tạp chí trên.

Đây là cuốn sách mở đầu cho sự hoạt động lại của nhà xuất bản Quan

TÚ KẾU



nhạc về lính

— Ông Kếu q, lính tôi nhục quá
Đủ mọi đường thiên hạ « áp phe »
Mấy em ca sĩ lè nhè
Yêu anh lính chiến : màu mè riêu cua !
Hát với hồng, Tây thua, Mỹ chạy
Nhạc với nhưng nghe cháy cả lòng
Chửi chửi thẳng lính cho xong
Bức thom kiêu ấy là không biết điều !
Phải công nhận quá nhiều sâu bọ
Kẻ bắt tài muốn tỏ tài cao
Cho nên bát nháo lộn nhào
Lẹm nhem thể sự, xanh xao nhân tính !
Thậm Thái Háng có mình lái nhài
Toàn những lời đại khái... vô duyên
Phát thanh là để tuyên truyền
Chửi dẫu phải để thuyên quyền giờ trò !
Tán tỉnh mãi, cớm no rừng mớ
Ca cảm hoài ăm ớ không đầu
Lính nghe lính cũng phát rêu...
Xin ông mắng hộ vài câu xem nào !

— Ô, ông bạn tào lao !
Chửi rúc ở xó nào
Rừng xanh hay núi đỏ
Về đây nói tầm phào

Người ta vì yêu lính
« Yêu lính hơn bạc vàng »
Hát lên năm bảy tiếng
Cho khoái tai mấy chàng !

Sướng thế lại còn chửi
Anh mới thực vô duyên
Vi như nhạc khó nghe
Ai hát để tuyên truyền ?
Còn vấn đề à Thăm
Ta không có thâm quyền
Hãy bảo Tong Oánh
Cười phất đi là yên !

— Kia ông Kếu, ông điên đấy chắc
Nhạc về tiền, bạc cứt, bạc xu
Họ mang lên hát lu bù
Sao còn bênh vực, ông ngu bỏ xứ !
Lính đã bị rồn đùa nhiều quá
Phần nào thôi, chớt nhả vừa thôi
Em nào yêu lính tới cùi
Chúng yêu, yêu cái dùi cui thẳng giàu !
— Biết rồi khờ lắm, tỉnh sau
Bây giờ đi quất một chầu xả xui
Rồi anh tưởng tượng mấy hồi
Hát ngay ăm ừc, thấy người nhẹ tâng !
— Đàn anh đã dạy xin vâng !

Điểm, một nhà xuất bản quy tụ được những cây bút uy tín nhất hiện nay như Vũ Khắc Khoan, Nghiêm Xuân Hồng, Tạ Văn Nho, Mạc Đổ...

TRIỂN LÃM MỚI

Tiếp theo cuộc triển lãm Tượng và Tranh của Điều Khắc gia Mai Chứng và Họa sĩ Cù Nguyễn, tại phòng triển lãm thường trực Continental Họa sĩ Nguyễn Khai đang xúc tiến để sửa soạn một cuộc triển lãm những tác phẩm mới nhất của ông, cũng tại phòng triển lãm thường trực này.

Những người yêu tranh Nguyễn Khai có thể yên tâm chờ đợi nay mai.

TẬP CỦA NHỮNG BÀI KHÔNG TÊN

Nhạc sĩ Vũ Thành An cho biết ông đã sửa soạn xong để đưa in tập nhạc thứ hai mang tên : «Tập của Những Bài Không Tên».

Ông cho biết thêm tập nhạc này gồm có 9 tác phẩm được sáng tác trong khoảng thời gian gần đây.

Tập của Những Bài Không Tên sẽ do Nguyễn Khai vẽ bìa, Thế Hiện xuất bản.

Ngoài ra, Vũ Thành An cũng than phiền ca sĩ Anh Ngọc đã tự ý thu âm băng để sang băng bán ra ngoài 2 nhạc phẩm của ông mà không trả

cho ông một khoản tiền tác quyền nào hết.

Thực hư ra sao, có lẽ phải gặp ca sĩ Anh Ngọc mới biết một cách chính xác được.

2 TÁC PHẨM MỚI CỦA TRẦN TUẤN KIẾT

Nhà thơ Trần Tuấn Kiệt vừa cho phát hành cuốn thơ Lời Gừa Cây Bóng Vải, đồng thời ông cũng đã lại cho lên khuôn cuốn thơ tiếp theo Rừng Tùng với bìa Nguyễn Khai và cuốn truyện dài Câu Hôn với bìa của Nguyễn Trung. Cả hai cuốn này đều do nhà Hồng Lĩnh xuất bản.

văn nghệ chống cộng với các «tên lính lệ dương chống cộng hiếu chiến» nào là khuynh hướng «đời trụ»-«lãng mạn tiêu cực» v.v...
Ngoài ra Trần văn Giàu còn nhấn mạnh trong năm 66-67, miền Nam Việt Nam đã có một «luồng sinh khí trở về với gốc dân tộc». Như vậy Trần văn Giàu đã tự động coi như đã «chiêu hồi» các văn nghệ sĩ miền Nam về với họ — quả thật quần chúng khi nghe những bản nhạc : «Hội nghị Diên Hồng» hay «Ái Chi Lăng», có cảm thấy như sống lại những ngày cũ, (chắc hẳn không phải là thời cộng sản miền Bắc cướp chánh quyền) những ngày mà sinh viên, học sinh và dân chúng đều nô nức tình yêu nước và tinh thần chống xâm lăng cao độ — những loại nhạc này còn ảnh hưởng lâu bền với những ai còn nghĩ đến sự hưng vong của tổ quốc.—Chứ không phải là sản phẩm văn nghệ riêng tư của miền Bắc ! ?

Bởi thế, chúng không thể gán cho ta đã «vọng về dân tộc» theo lối chúng nghĩ. Vâng— bắt cứ một ngày nào đó âm hưởng của những «Thăng Long Hành Khúc hay Bạch Đằng giang» còn đủ sức dựng dậy 15 triệu dân miền Nam chống bất cứ một cuộc xâm lăng nào của Cộng Sản để giữ vững bờ cõi và không làm tủi hổ vong linh của các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh xương máu để dựng nước.
Có phải chăng Trần văn Giàu đã bóp méo lệch lạc hình thức phát triển văn nghệ của miền Nam để chặn đứng một phong trào đang ngấm ngấm trong Quần chúng Bắc Việt : «thích và tìm cách thưởng thức, nghiền ngẫm—suy tư sản phẩm văn nghệ miền Nam» Bằng cơ xác thực và hiển nhiên như là mới đây, dân Tiếp Khắc cũng đã nổi lên chống đối nhà cầm quyền Cộng Sản vì họ đã quá khát khao một cuộc sống phóng khoáng hơn, họ muốn gần với thiên nhiên — muốn được tận hưởng một nền văn nghệ không bị gò bó kềm chế như trong «địa ngục đỏ».

Thực ra CS chỉ có thể phân loại văn nghệ của những nước được tự do phát triển như chúng ta và nếu Trần văn Giàu được gần với chúng ta

chắc hẳn sẽ có dịp nhận định rõ hơn và phân ra được nhiều loại hơn nữa chứ ở nước Cộng Sản làm gì văn nghệ có được Tự do để phát triển được nhiều loại như thế ?

Khi họ đã chịu khó phân tách và chỉ trích vừa đề cao như vậy, tức là văn nghệ miền Nam chúng ta đã có một giá trị nào đó khá dĩ có một ảnh hưởng trong quần chúng của họ cho nên họ phải vội vàng đánh một đòn giáng độc cho quần chúng của họ và chỉ muốn quần chúng chỉ có một loại văn nghệ duy nhất là văn nghệ của Bắc mà thôi — như thế cũng là một điều đáng mừng cho văn nghệ miền Nam chúng ta. Vì ít ra văn nghệ miền Nam cũng đã làm trở ngại cho kế hoạch đấu tranh văn hóa chánh trị mà họ nhắm vào sự «tranh dân lần đất» của họ.

Tuy nhiên, đây cũng là một dịp để chúng ta nhận định mưu mô thâm độc của cộng sản Bắc Việt, hầu chúng ta quyết định cùng sát cánh quyết tâm, cải tạo chính bản thân mình, sáng tạo để hướng dẫn quần chúng hăng say diệt giặc, chọn một lập trường dứt khoát : lập trường chống cộng, tạo dựng một quốc gia mới hùng cường hầu góp mặt với Năm

Châu — cương quyết chống mọi xâm lăng áp bức, nhưng còn thừa sức duy trì một nền văn hóa có 4 ngàn năm văn hiến và tiếp tục phát triển trên căn bản nhân ngã và tình thương — nhất là một xã hội quá xáo trộn phức tạp vì chiến tranh, đang chờ đợi bàn tay và tim óc của chúng ta để tạo dựng một xã hội lành mạnh, chữa rứt các vết thương đau, lọc lừa những căn bệnh ung thư, để chuẩn bị cho mọi người một cuộc hành trình dài hơn — tuy không chết chóc bằng 20 năm chiến chinh qua, nhưng, chắc chắn sẽ cam go hơn. Làm thế nào chúng ta tránh được một xã hội đã bị phân tán lại còn phân tán thêm khi địch len lỏi vào phá rối hành ngũ, gây mâu thuẫn, và thêm vào đó những sự xâu xé tranh giành của những hoạt động chẳng trị hệp hồi hư danh trong thời hậu chiến này.

Muốn có một đời sống thanh bình thật sự chúng ta phải chuẩn bị chẳng những đời sống vật chất mà còn phải chuẩn bị tinh thần, một tinh thần sáng suốt, bình tĩnh và tích cực góp phần vào sự thành lập một trận tuyến văn hóa khá dĩ để đương đầu với loại chiến đấu trường kỳ của địch.

KHOI HÀNH

tiếng hát...

(Tiếp theo trang 1)

với một ý nghĩa : có khi người nào đó trong số gần ba trăm xác mới tìm thấy... Những khẩu hiệu viết bằng mực đen trên nền vải trắng... Một người nói: tất cả đều bị trói hoặc bằng giấy điện, hoặc bằng lát tre, đa số đều bị vỡ đầu, một số trật cả xương quai hàm, chỉ có một vài xác thấy có đầu. Nhờ những sợi giây lòi lên khỏi cát, nhờ những lùm cỏ xanh đen cao hẳn lên mà nhận ra, nhận được xác của người nào là nhờ giấy tờ, có người chừng như biết trước nên đã dùng khăn cay cột thê căn cước lên đầu, có người thì nhờ kỹ vật đặc biệt, như quần lót do vợ may, không phải thứ quần giống nhau ngoài chợ, hăm ít nhất có hai ba người, nhiều lên đến hai mươi người, phần lớn đều như ngời hoặc sô lại với nhau với một dáng điệu có quắp... Nhờ với một chiếc đồng hồ của một ông đeo lên mãi trên vai người ta tính ra họ bị giết từ những ngày mồng bảy, mồng tám Tết chứ không phải sau ngày thất bại của « quân Giải phóng »... Có người đi tìm chồng, tìm con cả năm nay, thấy chỗ nào khai quật cũng tìm đến, trông tội nghiệp lắm... Còn nhiều nữa nhưng chưa tìm thấy... Những nười bị dẫn đi đều được nói là mời đi họp, hoặc đi học, nhưng họ đều đã chết, chắc không còn ai sống sót hết...

TRÊN khoảng đồi, khô khan, chỉ có vài bóng cây nhỏ, bụi mù lên những quan tài đã được hạ huyệt, đất đang được lấp. Bài nhạc chiều nằm đang trôi, những chiếc xe cam không chở xác đang dờ ra khỏi khoảng đồi này được dùng làm nghĩa trang cho những người chết không để lại tên. Thêm gần ba trăm người trở lại với đất bền hơn ba trăm người khác đã trở về nằm xuống đó từ trước. Những vòng hoa hôm nào đã khô, đất còn trắng, cỏ khô cháy. Nắng chói như tạo thành những vòng tròn xanh đỏ trong không khí oi nồng. Mọi người lần lượt leo lên những chiếc xe chở xác lúc trước để trở về, một số người lần lóc nơi trước bàn thờ... Tôi đứng từ trên một hòn đá lớn nhìn xuống khoảng sườn đồi thoải, những năm đất nhỏ mới vun cao bên những nấm đất cũ, tất cả đều ngay ngắn cùng với những băng sô, trên khoảng đất trống trải đó một người đàn bà áo sô, chiếc nón lá rách phủ cả vai đang ôm mặt khóc lặng lẽ. Tôi lặng đi nôn nao và cảm thấy bụi cát bay vào mắt khiến cho nước mắt trào ra...

TÔI nhớ như ai đó có nói : cuộc chiến này không có tiếng hát. Có đấy, hãy lắng nghe đi : trong âm thanh còn cao lạng lẽ của biển cả mặn chát, cùng muôn ngàn tiếng khóc âm ỉ, tiếng bom đạn kêu réo, tiếng la thất thanh... Vượt lên khỏi tiếng reo hò và tiếng hát ma quỷ, những ma quỷ rờn rợn lên những khẩu hiệu : hòa bình, giải phóng, thống nhất, độc lập, hạnh phúc... Đó là tiếng hát của cuộc chiến này. Còn người dân Việt, còn chúng ta, chúng ta không còn nước mắt nữa để khóc, như vậy còn nói chi tới.

Huế 5-5-69
D.N.M



HƯƠNG XUA

NÊN HIỂU BÀI CA DAO THĂNG BỜM NHƯ THẾ NÀO ?

THIỆN CẦN

KỲ 2

Bài của giáo sư Vũ quốc Thúc bị bác sĩ Nguyễn hữu Phiếm phê bình quá gay gắt và thiếu xây dựng, trên nhật báo Chính luận số ra ngày 4-5-66 dưới nhan đề « ĐẠI HỌC HAY LÀ HỌC ĐẠI ». Ông Phiếm đã vạch lá tìm sâu, bắt bẻ chi tiết mà cũng chẳng có khám phá gì mới. Chẳng hạn, ông nói : « Từ thuở bé đến giờ, tính đến nay đã trên nửa thế kỷ, tôi chưa từng được ai dạy cho biết là con chim mồi mà phú ông xin đòi lấy cái quạt mo lại là một món đồ trang trí làm bằng đôi mồi (như quạt đôi mồi, hộp đôi mồi, lược đôi mồi...) chứ không phải là một con chim, tức là một loài có lông cánh, biết bay ». Còn nhiều vụn vặt nữa nhưng không kể ra đây vì không liên hệ đến bài này.

Giáo sư họ Vũ cũng đã phải lên tiếng. Để bênh vực lập trường của mình, ông đã trả lời theo một lối trang nhã nhưng cũng rất thâm độc, trên Chính Luận ngày 8,9-5-66 mang tên « Tài Sản và Tiết Kiệm ». Riêng về chuyện con chim đôi mồi, ông cho rằng : « Bài ca dao nói rõ ràng là phú ông xin đòi con chim đôi mồi đâu có phải là chim mồi ? Tôi có tra cứu Tự điển Việt Nam xem có giống chim nào được mệnh danh là chim đôi mồi không, nhưng không thấy nói chi hết. Tất nhiên tôi không thể tự ý đổi « chim đôi mồi » thành « chim mồi ». Như vậy ai đã bóp méo sự thật ? Chắc chắn không phải là tôi !

Cuộc bút chiến giữa ông Phiếm và ông Thúc về bài ca dao thăng Bờm chỉ vồn vồn mỗi người có một bài, thế rồi thôi. Cách mấy hôm sau, có ông Nguyễn bá Nghị nào đó cũng vớt vát viết bài Thăng Bờm đăng trên Chính Luận (số ngày 14-5-66) đề, đồng ý hay không đồng ý với ông này hoặc ông kia. Chẳng hạn khi ông nói : « Chim đôi mồi trong bài ca là một con chim giả, được làm bằng đôi mồi để dùng làm đồ trang trí, đúng như lời ông Vũ Quốc Thúc. Và lẽ thường đã đem đôi mồi làm được nan quạt, được lược hộp thì sao chẳng làm được hình con chim. Hiện nay một vài nhà khá giả miền Bắc di cư cũng « đi » được con chim đôi mồi vào Saigon trưng trong tủ kính cùng với các đồ trang trí quý giá khác... »

... Ở nước Việt Nam vào hậu bán thế kỷ thứ 20, một văn sĩ nổi danh (sic) quá 50 tuổi, chưa hề nghe nói, chưa trông thấy con chim làm bằng đôi mồi và con chim mồi có xương, thịt, lông cánh và biết bay thì cũng chưa phải là điều đáng trách... »

Và ở một đoạn khác, ông lại nói : « Lúc làm bài ca thăng Bờm tác giả

của nó cũng như trăm ngàn sĩ phu khác không có óc » Kinh tế nên không có một lập luận nào về kinh tế cả, mặc dầu trong bài ca có xếp đặt các phẩm vật theo thứ tự ru tiên, nhưng sự xếp đặt ấy có một mục đích khác. Thạc sĩ kinh tế học họ Vũ đem lái ý hướng của bài ca sang vấn đề kinh tế; thì đó là quan niệm của một nhà kinh tế học. Ông đứng trên lãnh vực kinh tế học mà khảo luận các thi ca theo ngu ý cũng chẳng thiệt hại gì miễn ông đừng làm hại đến nền tảng văn chương là được... »

Trong bài của ông Nguyễn bá Nghị ta còn thấy ông đề cập đến vấn đề dân tộc tính, giống quan niệm của ông Nguyễn đăng Thục đã nêu trên. Ông Nghị cho rằng : « Bài ca thăng Bờm thật sự đặt ra đề tỏ lòng ngay thẳng, đức tính công bằng liêm khiết của người có tâm hồn quân tử không tham của phi nghĩa. »

« Chỉ nghe 2 tiếng « thăng Bờm » ta cũng có thể hình dung ra được một chàng trai quê mùa, khờ khạo, nghèo túng bị thiên hạ coi khinh. Thế mà nó đã không chịu đòi cái quạt mo lấy trâu bò, cá mè, gỗ lim, chim đôi mồi. Đến lúc Phú ông « ға » đòi một năm xôi thì nó lại cười, cười ấy có nghĩa là hài lòng, là chấp thuận. Không phải nó không biết, mà nó thừa biết giá trị của các phẩm vật do Phú ông đưa ra để chi đổi lấy một vật hết sức tầm thường là cái quạt mo, nhưng tính đạo đức lòng liêm khiết không cho phép nó tham lam ích kỷ, quên quên sự công bằng. Lúc thấy giá trị cái quạt mo tương xứng với một năm xôi thì nó cười... Vậy thì bài ca thăng Bờm là nhân vật điển hình được lồng vào khung cảnh thi ca, để đề cao tinh thần dân tộc của chúng ta. »

Chúng ta vừa có dịp duyệt qua bài ca dao thăng Bờm dưới nhiều khía cạnh khác nhau, xã hội, thần thoại, truyền thuyết, tâm lý, dân tộc tính, kinh tế. Rất có thể bài đó còn được soi sáng theo nhiều chiều hướng phong phú khác nữa.

Nay xin gác qua một bên cái thắc mắc mà ông Phiếm đã đặt ra là tại sao phú ông lại không theo lẽ thông thường, đề nghị từ vật kém giá nhất là năm xôi để tiến đến tới vật cao giá nhất là 3 bò 9 trâu mà lại đi ngược từ trên xuống dưới.

Thực ra không nên bắt người xưa phải suy nghĩ theo lối chúng ta ngày nay. Và lại trên đời này có phải lúc nào cũng sống bằng lý luận cả đâu. Pascal đã nói : « Trái tim

có những lý của nó mà lý trí không hiểu được ». Khi người ta đi người ta bốc đồng thì có bao giờ đi suy nghĩ đắn đo. Nhiều anh kiệt, biến loạn mà phải hao tiền của vì đại gái là chuyện rất thu chứ !

Xây dựng một câu chuyện, dĩ ý của người xưa là chỉ cốt sao được mục đích nào đó, thế là Nếu cần thì cho người trung n; đã bị chết oan bởi kẻ gian ác ! hại được sống lại cũng chẳng sao

Nay nếu ta cứ bị lún chân tr khu đất của lý luận thì sẽ bị c sâu mãi không sao tìm được thoát. Chẳng hạn những câu hỏi kế tiếp nhau hiện ra mãi, như tại phú ông không đòi một con bị đủ mà lại chơi ngông đem nhữu bò 9 trâu để đổi ? Hoặc sao kh đổi 2 bò 10 trâu ? Đòi một rồ c thời cần gì phải ao sâu cá mè ? vãn và vãn vãn.

Hãy suy nghĩ chín hơn nữa, lần đầu tiên đem đổi 3 bò 9 trâu là những vật quý giá nhất. Đó ch là dụng ý của tác giả bài ca dao m làm nổi bật lòng ham muốn thêm của phú ông khi trông thấy cái q mo của thăng Bờm. Và chính cái v đổi chắc đó cũng phơi bày cho ta t rõ cái tác phong ngộ nghĩnh của nhân vật, một giàu, một nghèo. Đ 9 trâu 3 bò chỉ đổi lấy một cây q mo, ai mà không cho là chuyện k khoáy nực cười ! Ấy cũng chính t khoáy, nực cười ấy mà bài ca t này mới còn được truyền tụng c đến ngày nay đây. Nếu cần cứ t lẽ thông thường, thì một câu nhậ nước ốc và tầm thường như miế bã mia sau đây làm sao có thể t thành ca dao để khiến chúng ta n tới nữa :

Thăng Bờm có cái quạt mo,
Phú ông xin đổi năm xôi. Bư

Xin đề cập tới một điểm kh Phần lớn những bài ca dao đều m tính chất trữ tình, đặc biệt thăng Bờm này không hề t phát hiện tính chất đó. Bài này là n cuộc đối thoại: havi có thể nói không sợ cho là nói lộng quá, đây một vở kịch ngắn một màn 2 n vật.

Vở kịch—cứ gọi thế đi—chỉ v ven có 10 câu. 5 câu lục, 5 câu bát t 5 đôi lục bát, gồm 14 nhóm 5 bằng chữ chân. Phú ông nói, tiếp đến là Bư trả lời. Rồi Phú ông lại nói, Bờm trả lời, cứ thế mỗi người nói 5 l kể cạ lẫn Bờm cười cũng coi như một cách trả lời, một cách nói.

(Xem tiếp trang 15)

ĐỀ NGHỊ MỘT ĐỊNH NGHĨA CHO DANH TỪ VĂN HÓA

1

VĂN HÓA và VĂN MINH là hai danh từ đã được định nghĩa nhiều lần. Tôi không nhớ được những định nghĩa ấy, nhưng còn nhớ rằng các nhà văn học có vốn liếng kiến thức to tát, thường đi theo 2 con đường: tìm xem người Pháp (Anh, Đức v.v...) định nghĩa văn hóa là gì, văn minh là gì; hoặc tìm xem người Tàu (Nhật, Ấn độ v.v...) định nghĩa chúng như thế nào.

Tôi cũng còn nhớ mang máng rằng tôi không hiểu được bao nhiêu, và hình như nhiều người khác cũng thế. Cho nên, cho đến nay, vẫn còn nhiều người tự hỏi — và hỏi nhau — rằng văn hóa là gì, văn minh là gì. Và cũng vì thế, hôm nay mới đến lượt tôi trình bày vài ba ý kiến riêng. Sở dĩ nói là ý kiến riêng là vì tôi đọc sách không có tài ghi nhớ từng câu, có khi từng đoạn, nên tôi sẽ không viện dẫn đến bất cứ tác giả hay tác phẩm nào. Đó là nói về phần cổ ý, còn về phần vô tình, tôi rất có thể đưa ra những ý kiến hay lý luận giống như hay nhiều người đi trước. Tôi hy vọng, nếu có trường hợp này, bạn đọc cũng thông cảm cho tôi, và không cho tôi là đạo ý, đạo văn, mà còn làm ra bộ tay đây giời dang, trong sách.

2

Văn hóa và văn minh cùng là những động lực, có vẻ nặng về tính thần, chịu ảnh hưởng, đồng thời cũng có ảnh hưởng đến đời sống của một dân tộc, hay của nhiều dân tộc, sống trên một lãnh thổ riêng biệt, trong một thời gian dài từ hiện tại ngược về quá khứ, cho đến khi loài người mới xuất hiện trên mặt Địa cầu, hoặc từ hiện tại xuôi tới tương lai — coi tương lai như thành quả của văn minh, hay văn hóa.

Theo tôi hiểu thì các nhà bác học thường định nghĩa danh từ trước, rồi tìm cách chứng minh, bằng công việc của những nhà bác học khác, hay bằng những ví dụ — thế lấy trong sống đời.

3

Tôi xin đề nghị một phương pháp khác. Chúng ta hãy khơi từ quá khứ mà đi dần về hiện tại. Chúng ta thử tưởng tượng xem đời sống của nhân loại bắt đầu như thế nào ở cá nhân, rồi tập hợp như thế nào thành cộng đồng. Chúng ta thử nhận định về quá trình sinh hoạt của những cộng đồng lớn nhất, có nhiều đặc tính nhất. Chúng ta sẽ cố gắng tìm hiểu ý nghĩa của các đặc tính đó. Và, may ra, ý nghĩa của văn hóa và văn minh sẽ tự nhiên được phơi bày trước mắt chúng ta.

Trong phạm vi một bài báo ngắn, tất nhiên sự trình bày của tôi sẽ sơ khoáng. Rất có thể tôi sẽ đưa ra

một hay nhiều lập luận quan trọng — quan trọng đối với bài này — mà không chứng minh, hay không chứng minh đầy đủ. Tôi xin bạn đọc thông cảm luôn cho điểm này: khi tôi đã nói “ý kiến riêng” thì bạn cũng có thể hiểu là “ý kiến mới” và do đó, xin bạn vui lòng chỉ xét xem ý — của — tôi có hợp với ý — của — bạn không. Nói một cách khác, tôi xin bạn chỉ xét xem ý kiến của tôi có hợp lý hay không, còn ngoại giả, xin bạn miễn cho tôi sự phê bình theo kiểu thông thường, ví dụ: “đúng, vì ông A, đã nói rằng...”, hoặc “sai, vì ông B, đã bảo rằng...”

4

Người ta thường so sánh đời sống của loài người và của loài vật, để kết luận rằng loài người có văn hóa, văn minh, mà loài vật không có. Tôi cũng nghĩ như vậy.

Nhưng nếu người ta hỏi rằng tại sao loài người có văn minh, văn hóa, mà loài vật lại không, thì chỉ có ít người trả lời, một cách rất khác nhau. Ví dụ tin đồ của đạo Ki tô thì bảo con người là con của Thượng đế, nên được ân sủng của Ngài mà hơn loài vật. Có người bảo tại loài người có tính cảm, mà loài vật không. Có người bảo loài vật không biết sống hợp quần, làm việc không có tổ chức. Có người bảo loài vật không có tiếng nói, không có chữ viết, không có nghệ thuật, không có lịch sử...

Riêng tôi (hay tôi có người nào đã nói trước tôi thì không biết), tôi cho rằng loài vật thoát tiên, chỉ kém loài người cái phương tiện chỉ định, ghi nhận và giao truyền tin tức một cách rộng trong không gian, và xa trong thời gian mà thôi. Lễ cổ nhiên tôi biết loài vật cũng có những phương tiện đó — ví dụ một con kiến tìm thấy lộ đường, là ít lâu sau có ngay cả đàn kiến bò vào lộ đường: ấy là vì con kiến đã biết chỉ định, ghi nhận và giao truyền tin tức về lộ đường cho những con kiến khác — nhưng tôi nghĩ con kiến không làm những công việc đó một cách rõ rệt (chỉ định) lâu dài (ghi nhận), và sâu rộng (giao truyền) bằng con người.

Tôi xin nói rõ ý tôi thế nào là chỉ định, ghi nhận và giao truyền tin tức. Tôi xin lấy một ví dụ: một người có đàn bò, muốn bán một con cho người khác. Người bán dùng ngón tay, thường là ngón tay trỏ, chỉ vào một con bò đứng giữa đàn bò, và nói: — “Đây, tôi bán cho ông con bò đen có khoang trắng trên lưng, có đốm trắng ở trán, và gầy mất một sườn bên phải”. Người mua nhận ra con bò đó ngay. Đó là nhờ khả năng chỉ định.

Bây giờ người mua trả tiền, người bán viết biên lai, và sự mua bán sẽ được ghi nhận lâu dài. Rồi sau đó, con bò đi đâu mất, người tanghisau phải vừa có sức khỏe vừa có

có kẻ đánh cắp, bèn trình cho nhà chức trách. Với đầy đủ chi tiết sẵn có, nhà chức trách loan tin cho các đồn bót, cho các điều tra viên, và cho cả dân chúng, tìm một ngày không thấy thì tìm một tháng, hai tháng, ở địa phương này và cả những địa phương lân cận. Như thế, tin tức đã được giao truyền cho nhiều người, ở nhiều nơi (không gian) và tin tức sẽ được ghi nhớ lâu dài (thời gian).

(Tôi biết có những giống vật có trí nhớ rất tốt, và hình như biết chỉ dạy cho nhau từ đời này sang đời sau. Ví dụ loài hải ly con nào cũng biết đào hang, đắp đê; giống ngỗng trời, giống lươn (hay giống trạch?) có thể vượt hàng chục ngàn cây số, đến một nơi ước định để kết đôi, sinh nở... Nhưng, theo tôi nghĩ, những kỷ ức lạ lùng này không được chỉ định, ghi nhận và giao truyền một cách khách quan, nghĩa là từ ngoài vào, mà là những kỷ ức được ghi khắc trong bản thể — trong giác hồn — của những giống vật đó. Ví dụ giống bồ câu du hành (pigeon voyageur) có thể từ rất xa tìm về tổ cũ, nhưng nếu người ta chỉ đổi hình vẽ trên chuông chim, là mặc dù chuông vẫn có hình thể cũ vẫn ở chỗ cũ, con chim tìm về đến nơi rồi cũng không chịu vào chuông, và sẽ bay đi biệt tích.)

5

Tôi đã trình bày, trong cuốn “Mối tình màu Hoa Đào” về giá trị của hai bàn tay. Bây giờ tôi xin tiếp theo: nhờ có ngón tay độc lập, con người tập quen chỉ định một hay nhiều chi tiết trong một hình ảnh hiện ra trước mắt nó; nhờ ngón tay cái khỏe và cô tay mềm dẻo, con người tập quen dùng một vật nhọn, hay có màu (ví dụ cục than, hòn đá) mà ghi chép hình ảnh trước mắt nó lên một mặt phẳng mềm hay nhẵn nhụi. Bằng cách đó, loài người thông tin lẫn cho nhau, rồi dần dần, dùng ký hiệu ghi chép những hình ảnh, âm thanh đã được xác định cho những ý nghĩa được ước định từ trước. Đó là bước đầu của tiếng nói và chữ viết. Đó cũng là sự ghi nhận đầu tiên của kinh nghiệm.

Sau khi có tiếng nói và chữ viết, con người hiểu nhau nhiều hơn, và sự giao ước giữa một số người sẽ được ghi chép để tránh sự quên lãng, nhầm lẫn. Đó là những điều kiện hình thành của những xã hội đầu tiên.

Sau khi xã hội được hình thành thì các vấn đề sau đây được đặt ra:

THỨ NHẤT. — Người khỏe nhất sẽ được tôn (hay tự dành lấy quyền) làm cấp chỉ huy của tập thể. Mục đích trước mắt: chống lại thú dữ và thù địch. Sau đó, kỷ luật làm cho người ta có kinh nghiệm, và kinh nghiệm nhiều khi tỏ ra có lợi hơn sức khỏe, cho nên người chỉ huy về sức khỏe, cho nên người chỉ huy về

kinh nghiệm và khả năng sử dụng kinh nghiệm chúng ta gọi như thế là có tài.

THỨ HAI. — Khi tập thể bắt đầu (bộ lạc?) lớn lên, số người sinh hoạt trong cộng đồng trở thành nhiều hơn, người chỉ huy sẽ cần đến những tay phụ tá. Số người phụ tá cổ nhiên cũng được lựa chọn theo tiêu chuẩn sức khỏe và tài năng. Tuy nhiên, cũng có những yếu tố khác có thể tác động vào việc chọn người này. Ví dụ anh em của người chỉ huy, của vợ người chỉ huy, của những người phụ tá từ trước. Rồi cũng có người được lựa chọn vì khéo tay, vì sắc đẹp, vì khéo cư xử, khéo nói — những tình thân đầu tiên! — và tất cả mọi người, từ viên chỉ huy đến các phụ tá cùng gia quyến, bạn hữu của họ, hợp thành giai cấp lãnh đạo, mà có người gọi là giai cấp thống trị. Giai cấp thống trị thành hình không do kinh tế, mà trước hết, do nhu cầu an ninh, tự vệ, trật tự nội bộ v.v... (Nhưng, lễ cổ nhiên, giai cấp thống trị, sau khi thành hình, sẽ tự dành lấy những quyền lợi to lớn hơn cả trong cộng đồng. Đó là điều sau này chúng ta sẽ trở lại.)

THỨ BA. — Nhờ kinh nghiệm được thu thập trong sự quan sát thiên nhiên, loài người biết trồng trọt. Nhờ biết trồng trọt — cây bừa, cấy, gặt — loài người tự đào tạo lấy lương thực cho mình và để dành được lương thực đó, để phòng những mùa săn ít thú, hoặc những ngày thời tiết xấu kéo dài. Bằng một bước “nhảy vọt” quan trọng, loài người trở thành tự lập đối với thiên nhiên. Sự chú ý và lo âu về lương thực bớt dần, khiến cho loài người có thể suy nghĩ về những vấn đề khác. Sự bảo đảm về lương thực cũng cho phép một số bộ lạc định cư, làm nghề nông và cho phép nhiều bộ lạc khác rời xa rừng núi, tiến theo những dòng sông lớn, ra tận bờ biển. Đó là những điều kiện cho phép loài người có cuộc sống:

- 1 — có an ninh hơn
- 2 — nhân số tăng nhanh
- 3 — tiến bộ nhanh.

Bấy nhiêu yếu tố làm nên giá trị của công việc “lao động sản xuất lương thực” đúng như trong Kinh của Moïse: một trong những đặc điểm của loài người, do ý muốn của Thượng đế, là để mở hội để kiểm lấy thức ăn (Xin ghi nhận: người cộng sản khổ tâm bao lâu, vẫn chưa tìm thấy những lý lẽ vì sao mà lao động có giá trị!)

THỨ TƯ. — Giai cấp lãnh đạo càng đông thêm khi tập thể càng đông. Cho đến lúc một số lớn nhân vật trong giai cấp lãnh đạo, vì bận việc của cộng đồng, không những không tự sản xuất lấy lương thực mà ăn, mà còn cần được nhiều người khác giúp đỡ trong sự sống hàng ngày. Ví dụ cần người ăn trong dịp tiệc, khi có đông người ăn trong dịp (Xem tiếp trang 11)

NGÔI NHÀ VEN QUỐC LỘ

huỳnh phan anh

Tôi không còn bàng hoàng buổi sáng chợt thức dậy trong gian phòng lạ cùng với những chuyến xe gưa đầu tiên đưa bạn hàng đi nhóm chợ gỗ đều đặn trên mặt đường mở đầu sinh hoạt một ngày sau những giờ giới nghiêm. Tôi có thể tiếp nhận từng ông tình bên ngoài tâm hồn bình thản, một sự huấn bị chu đáo nhờ giấc ngủ đầy đủ đêm qua một náo loạn vừa tạm được. Tôi nấn ná chưa muốn trở lại thành phố. Tôi không muốn vội vàng với những lời giới rồi rảnh trước mặt.

Ngôi nhà nằm ven quốc lộ, thuộc vùng ngoại ô tỉnh lỵ. Ở đây người ta có thể nghe từng đoàn xe quân đội rầm rập chạy suốt ngày hoặc trở về hoặc xuất phát từ một căn cứ quân cách châu thành trên 10 cây số. Hai bên đường, cỏ cây im lìm già lị dưới những lớp bụi. Bụi ở đây có thể nhiều hơn bất cứ nơi nào. Trong ý nghĩ của tôi, bụi gần lên mặt thiết vào nơi chốn này một vùng rợp bóng cây ăn trái cũng là một vùng oi ả mặt trời. Tôi được dành riêng một gian phòng nhỏ cạnh phòng khách. Trẻ con được lệnh không bén mảng tới. «Chỗ của chú nghĩ ngơi». Cửa sổ mở ra lối đi dẫn về phía sau nhà; khu vườn, ao cá, con rạch, đồng cỏ và vòm trời bát ngát. Buổi chiều từ ngôi nhà bên cạnh thường vọng sang những tiếng nói cười khúc khích. Những mẫu chuyện con gái bên một bờ rào. Bỗng họ thấp thoáng sau những tàng cây mờ dần trong bầu không khí chạng vạng, hình ảnh sau cùng trong ngày còn ghi nhận được từ chỗ ngồi bên cửa sổ trước giờ giới nghiêm. Giờ giới nghiêm, đêm... Đêm hường đến bất chợt, bầu không khí lắng xuống từ bao giờ cùng với tiếng động và bụi đường, tất cả chỉ còn là một nỗi nghe ngóng dai dẳng, niềm uẩn rình rập canh chừng. Buổi cơm tối, dọn ở nhà sau. Tiếng

người vợ giục giã đưa tờ giấy pha cà phê. Một người đàn bà còn trẻ, con cái và công việc gia đình không làm mất đi một vẻ đẹp nhà quê. Trong buổi cơm hay, sau đó, bên ly cà phê, người chồng sẽ kể lại một đoạn kiếm hiệp vừa mới đọc.

Tôi nằm lại trên giường, buổi sáng, da thịt nghe nóng nần thân mật và tâm hồn mở toang đón đợi. Tôi nghe đồng hồ gõ tám giờ. Tiếng chim hót bên ngoài (loài chim nào, từ đâu tới). Tiếng chân bước, chạy nhảy sát bờ tường (Những gót chân non hồng ửng). Tiếng ly chén va chạm, tiếng nước chảy vội, tiếng nói chuyện... Có những tiếng động được nhận ra tức thì, đã trở thành quen thuộc, những tiếng động không thể thiếu sót trong một khoảnh khắc nào đó. Có những tiếng động mơ hồ, thoáng qua không tài nào bắt kịp. Có những tiếng động đồ dưng, non yếu, chưa thành. Tiếng động hay chỉ là ảo tưởng về một tiếng động. Tôi thường hồi hộp đón rình tiếng động một loài chim sâu vỗ cánh vụt bay đi, nhẹ như hơi gió lúa thổi trên một mái tranh đầu đó.

Tôi sẽ rời khỏi chỗ nằm, bước tới cửa sổ. Nâng đầu lên cao và trên bức tường nhà bên cạnh đã bắt đầu in bóng những tàn dĩa phe phẩy. Buổi sáng ở đây, gió nhiều, đến từ những ruộng lúa, những đồng cỏ mênh mông.

Tôi hít thở lấy hương thơm từ một góc trời xa lạ, nơi hẹn hò mơ tưởng tôi. Tôi có thể nhìn thấy, nếu không quá muộn màng, các cô gái nhà láng giềng sửa soạn xách giỏ đi chợ.

Vẫn âm thanh những tiếng nói cười khúc khích đã nghe hơn một lần (về hồn nhiên tươi thắm của tuổi tác, của thân thể, của da thịt). Tôi có thể đứng hành giờ bên cửa sổ nhìn lũ trẻ đang chơi trò nhảy nhà, theo dõi từng bước chân non dại trên những ô vuông kẻ bằng phấn trắng hay bằng một miếng ngói bề, lắng nghe từng nhịp chân trên nền đất mịn... Tôi sẽ nghĩ gì, trí tưởng như từng trợn gió cuốn trôi màu trời.

Khu vườn lâu ngày không chăm sóc. Một cảm giác tiêu điều. Tôi lần bước trên một lối đi tro những mảng đất gỗ ghề, khô cằn, giữa những tàn lá mĩa dài, sắc, giao với nhau, đan lẫn nhau, mùi lá úa nghe cay nồng, ngày ngất.

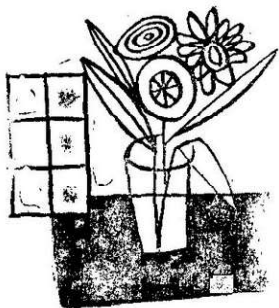


ĐOÀN VĂN NHIỀU NGƯỜI VIẾT

Bầu không khí sa sầm, thu hẹp lại quanh tôi. Tôi tưởng chừng đang nghe rõ những tiếng động từ một thính không nào xa lạ. Tôi bước mau trên cảm giác ớn lạnh của mình. Lần đầu tiên tôi đặt bước tới đây, bỗng dưng bé nhỏ và lạc loài. Tôi đứng lại bên một góc dĩa nghiêng đổ. Con rạch chạy ngang ngăn đôi hay bờ đất. Tôi phóng tầm mắt về phía bãi cỏ trước mặt, một vùng biển xanh dưới bóng mặt trời. Tôi lắng nghe thánh giá cơ hồ buông thả, lắng trôi. Tôi nghĩ ngờ cả tiếng reo của con rạch êm dềm dưới chân tôi. Tôi đứng nép mình dưới một tàng cây, những cánh lá mỏng tưởng chừng nhìn thấu suốt. Những cái bóng lơ lơ không hình thù khẽ lay động trên vai tôi. Mặt trời hắt gay gắt ở trên kia.

ĐÊM CAO NGUYÊN

đặng đình tông



Tôi tự hứa, (hình như tôi tự hứa mấy lần rồi trong những ngày, những đêm co ro ở một thành phố lạ) sẽ khởi đầu trở lại thực hiện những hăm hở ngày nào. Tôi quên đã dăng những điều hứa khi trôi xuôi trong cơn lũ hàng loạt người trẻ thông dong ngoài phố thị. Tôi đi loanh quanh đến khi nào tỉnh cơn qua một phố vắng, chỉ những nơi vắng vẻ mới làm tôi nhớ lại những lời tự hứa. Tôi hối hận và

trở về. Trở về để ngồi lại trên chiếc ghế trước một xấp giấy trắng mờ mờ.

Tôi không làm được gì hết, đúng hơn, tôi ngồi liên tiếp hàng giờ để rồi cuối cùng, khom xuống nhìn vào chiếc gương (chiếc gương soi của một thằng bạn bỏ quên nhân một lần chuyển chuyển) thấy buồn thiu. Tôi bỏ đó, bỏ trống trải căn phòng thuê và phải qua một vài lớp cửa nữa tôi mới thoát được ra mặt đường nhựa. Căn phòng thuê này nhiều rắc rối quá. Các rắc rối vẫn cũng không buộc chặt được chân tôi. Và thế là những điều nào tôi tự hứa đã bay thoát theo bước chân khắp khiêng và đứng thờ ở đầu dốc.

Có lúc tôi lưu tâm. Lưu tâm từng mái nhà ngói đỏ, từng kiểu nhà cũ mới ở thành phố này. Dù sống trong ngôi nhà đóng kín như hoang với những mảng tường dày chôn nhốt, tôi vẫn thấy thú hơn. Tôi có thể ngoái nhìn một đoạn đường đã đi qua: mặt đường lướt qua căn nhà và mất sâu vào ngã quẹo tăm tối.

Tôi có thói quen đó. Thói quen nhìn trở lại một đoạn đường cũ, đã đi qua. Có thể tôi sẽ nhìn xuống mặt đường như để kiểm tìm những mất mát theo bước chân, nhưng thường thì tôi muốn tìm ở đó, thú vị cho, điều thú vị của I là ngoái nhìn khám phá. Tôi cúi ra từ đầu trong cõi mê mờ (2 bên đường một loại cây cao, hình như chỉ một loại duy nhất, chính bởi điều đó cảnh vật như dịu hui thêm) Có lúc tôi nghĩ, tôi từ đâu trong hang hăm tìm từ thì và ngờ ngác trở về cõi quang dăng. Một người nào đó hú từ từ trạm xăng Kim Cúc.

Tôi cũng ú ớ, vừa kịp nhớ ra thì chiếc xe đã mất hút vào chiếc hang tường tượng của tôi. Thành

phố này không biết có làm Nhưng thay đổi một ý định là chỉ lên thăm tôi rồi về thôi không. Dù sao, tôi cũng phải công nhận (Có thể đây chỉ là một cái có, cái có để ve vuốt những lười biếng của mình) Ngày đi, bạn bè đã ái ngại dùm: thành phố tôi đang ở đây sẽ làm đổ nát mọi dự tưởng đẹp. Đã hơn a tháng rồi, tôi đã lêu nhêu và đi lênh nhênh mắt hồn.

Bạn bè đã lo ngại cho tôi (có thể sẽ khác điều tôi nghĩ về họ trong câu nói, trong cái nhìn tôi của họ) khi bắt gặp tôi ngồi một mình ở góc đường. Tôi ngồi cho đến khi lên đèn. Ánh đèn đêm cao nguyên không sáng lắm, không sáng nổi với hơi sương búa giăng mờ đục khung trời. Những ngọn đèn treo lẳng thành hàng dài càng xa chỉ như một ánh nền dốt giữa đêm từ mù leo lét bên chiếc quan tài của thằng bạn tôi chết chưa kịp ra trường. Rất có thể tôi sẽ không về lại căn phòng đó (nhiều đêm tôi sống dật dựa, ngủ bất thần ở nhà một thằng bạn hay một khách sạn thuê rẻ mạt, đêm nghe chuột bọ kêu chí chơ, hoặc đến gặm nhấm gót chân) khi ấy, tôi mới cần lắm giấc ngủ chợp, nhưng rồi tôi cũng thao thức.

Những ngày gặp lại, Nhưng sẽ buồn tôi, và cái cơ duy nhất để tôi tự bào chữa là tôi không quen được với thời tiết của thành phố này. Sương đêm trôi lẳng dăng, bỗng bênh trên những ngọn thông xanh im. Hàng đèn bên kia bờ hồ đứng chết trong hui hắt. Mỗi lần một cảnh nào đó thoáng gặp (có thể một câu nói của người đối diện, hay nghe lóm được của kẻ qua đường) làm tôi bàng hoàng, dù nỗi bàng hoàng, thoát hiện cũng đủ làm bừng tỉnh trong tôi từ lâu

gặp được. Những thằng bạn đã chết Gã đếm không hết và những thằng chưa chết, Gã nhớ không xuể, chỉ một ngày nào đó mở trang tám của tờ Chính Luận thấy tên thằng nào trong mục chia buồn, cái phở, phàn u, Gã mới hay mình mới mất thêm một thằng bạn. Gã sẽ nhắm mắt lại ít phút tưởng tượng ra khuôn mặt thằng bạn mới chết đó hồi còn đi học với Gã cùng những trò chơi nghịch ngợm của Nó, sau đó Gã sẽ vào Câu Lạc Bộ, gọi là la de, khô mực hay bữa nào Câu lạc Bộ ghi nhiều quá rồi mà chưa có tiền trả, Gã sẽ ra quán cóc này như chiều hôm nay vậy.

Gã có thằng anh họ, bằng tuổi Gã, chơi thân với Gã, học cùng lớp Gã từ thuở nhỏ, đi lính cùng thời với Gã nhưng đã là Thiếu Tá Nhảy Dù, vậy mà khi anh ấy mất ở chiến trường Khe Sanh, Gã cũng chẳng được về đưa đám, Gã cũng không đáng được một giòng chia buồn, Gã cũng chưa gửi được một lá thư về an ủi người chị dâu. Gã cũng vẫn biết tin buồn qua tờ báo. Nhiều khi, Gã cũng muốn viết một lá thư, gửi về cùng chia buồn cùng gia đình người anh nhưng Gã cho rằng cái hình thức đó không làm cho ai hết buồn cả, nên lại thôi. Đau đớn nhất là đêm được tin người anh đó mất, Gã lại chiếu cuốn phim Thủ Hộ Anh Dũng, trong đó, Gã thấy người anh đang chỉ huy trận chiến đẩy lui Việt Cộng tại Gò Vấp. Người anh hai ba năm trời không gặp mặt Gã đó. Hồi này anh hơi gầy, cầm bệnh cả ra nhưng trông anh oai ghê. Nhưng bây giờ thì hết rồi, những hình ảnh đó chỉ còn là kỷ niệm đã xa mờ mà thôi.

— Thiếu úy uống đi chứ. Ly của Thiếu úy còn đầy nguyên nè.

Gã vội thôi không nghĩ nữa. Gã uống những ngụm đầy cho tên đồ đệ cũ, vừa lòng. Hai thầy trò Gã uống không ngừng. Gã nói tùm lum, Gã kể những chuyện ở tận đâu, nào là ngày xưa nhà Gã giàu lắm, quý phái lắm nhưng vì không sống được với tụi Cộng Sản, Gã phải bỏ tất cả nhà cửa, gia tài ruộng vườn, quê hương mà đi. Tên lính cũ Gã cũng nhắc lại những ngày sống êm đềm tại thôn làng của Hân ở miền Hậu Giang trù phú khi giặc chưa tới quấy phá. Vừa nhắc tới, Hân vừa rót cho đầy ly của hai người. Rồi Hân hỏi :

— Chị và cháu vẫn mạnh chứ Thiếu úy ?

Gã thở dài :

— Tao cũng chả biết nữa. Tao đã gửi bà với thằng cu về Saigon cho Ông Ngoại nuôi rồi. Đề ở đây riết rồi chết đói. Mày à.

Tên lính cũ ngạc nhiên :

— Bộ Thiếu úy không nhớ sao chứ ?

Gã ngáy mặt ra :

— Làm sao mà không nhớ được ! Tao muốn điên lên nhưng thôi đành, mình nuôi không nổi thì để cho họ về sống với gia đình, đỡ tội họ. Chiều chiều đi ăn cơm ngoài phố, thấy con nít nhà người ta, Tao muốn bế ghê. Thằng con Tao mới có 17 tháng mà đánh hết trẻ con hàng xóm, không chết nhất như Tao (ai cũng sợ), Tao ưng ghê.

Nói xong, Gã mở ví, lấy hình con trai đầu lòng ra cho tên lính coi và ngắm hoài, cười một mình.

Hình như đã đến giờ tan sở vì Gã thấy mấy cô thư ký trong đơn vị Gã đã bắt đầu leo lên xe Dodge dành cho nhân viên đi. Rồi Gã thấy mấy chiếc xe Jeep của Sĩ Quan phóng ra khỏi trại. Chẳng có ai biết Gã ngồi ở đây cả. Nhưng Gã cũng chẳng buồn kêu. Gã chẳng cần đi xe Jeep. Gã chẳng cần về. Nhà Gã có ai nữa đâu mà về. Về chỉ tỏ nhớ vợ con thêm chứ ích gì. Có một người lính trong đơn vị đi ra. Đó là người chồng của bà bán quán, ra phụ vụ đẹp hàng.

Tên lính cũ của Gã khoát tay :

— Bao nhiêu tiền hết thầy. chị Mai ?

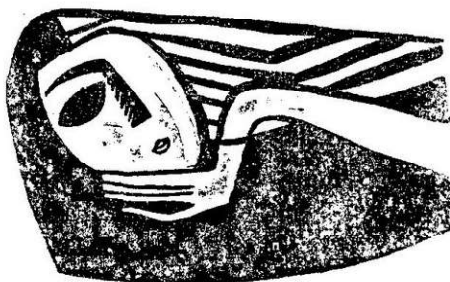
Gã gạt tay tên lính cũ :

— Không được, đề Tao trả đấy. Lính mà đòi trả tiền cho Quan, sao Mày ?

Mặc cho Gã nói khích, tên lính giải ngũ cũng vẫn

(Xem tiếp trang 12)

NGUYEN DAT



thơ tưởng 1969

Buổi chiều mưa rơi buổi chiều em khóc
Buổi chiều như chuyến xe về phía Đôn-Dương

Trên vách núi đá khô gior cảnh lá sững
Sương mù lên đứng giữa đầu ngọn cây
Phút mơ nào đã qua đi
Chưa kịp mở tay mình
Ôi rừng xanh
Dày đặc chàm xa vọng
Mùa mưa xưa em từng đến nơi này
Em còn nhớ
Vẫn đá xanh trên vách núi giờ đây
Cây cối thuở reo hò thơ đại ấy

Thuở reo hò thơ đại tan về đâu ?

Buổi chiều mưa rơi buổi chiều em khóc
Điều thuốc anh đốt lên
Khói cuộn dung nhau em
Như dĩ vãng
Như buổi chiều
Anh đốt cháy đời mình
Còn gì ngoài nỗi hy vọng tàn yêu
Đang rơi như mưa khóc
Mưa mau trong rừng thông
Mưa mau nỗi buồn phiền bát ngát không gian
bát ngát tâm hồn
Mưa mau mưa mau
Con đau ngủ một mình

Du mình con biển biệt
Ôi cô đơn không giấc nào người
Như chuyển động bàng hoàng chợt thức anh
Xao xuyến theo đời trong mắt em
Ngày một sáu đáy vực

Anh trở về buổi chiều mưa đắm đuối
Những cành lá gãy rớt trên hai vai
Phố quận nhìn đi con dốc xưa chờ đợi
Anh trượt chân trong cuộc kiếm tìm
Trong hôn mê xây xam mặt mày
Quờ quạng hai tay bàn tối tăm

Có phải anh đã gặp lại em
Giấc mơ trong suốt
Một lần anh tưởng chừng tan mất
Trong suốt hư không
Trên tấm thảm nhung xanh
Những hòn bi lăn nhanh
Anh đồng kêu gào em hết sức
Giữa hàng cây đứng rết
Những hòn bi lăn nhanh lẫn nhanh
Như anh như em
Trên tấm thảm vô vọng

Buổi chiều mưa rơi buổi chiều em khóc
Cơn lốc quay quanh đời khôn cùng
Cuộc đời nào trên hè đường im lìm
Hai dãy phố những mái nhà la hét
Mưa kéo liền hồi trên dốc núi
Mưa kéo cành lá chết về rừng
Và mưa kéo anh trở về bên em
Em chẳng ngừng đau đớn

Trên chuyến xe chạy qua đường rừng
Chờ người về phố quận
Anh mơ thấy mình trên chuyến xe không
Chạy riết tới hoàng hôn
Ngôi mộ của chiều
Có đầy hoa lá phù
Hoa rực rỡ đỏ đau đớn
Anh buốt tim choàng tỉnh dậy
Bỗng hiểu tin em
Anh đến nơi em yên giấc
Suốt buổi chiều bóng nước
Cơn mưa đã về và xóa khuôn mặt em
Anh buồn bã xiết đau
Một cây thông diên đại trên đồi cao
Hủ thết trong bóng tối
Dù tự hiểu mình cũng đã chết
Chúng ta chung ngôi mộ
Đầy đón đau rực rỡ
Năm như ngủ yếu nhau
Đợi cuộc đời sắp đến
Có phần hương bay ve vuốt
Có rã tan như nỗi dịu dàng

Buổi chiều rơi khế hạt mưa nhỏ
Khối nóng hăm người trên phố xá đông
Rồi nồng nàn sữa soạn cùng hồi tiếc
Mùa mưa những tháng ngày sắp tới ở Sai-Gòn
Mùa mưa
Anh trôi dạt xa em
Những chiếc bong bóng nước năm ấy
Kề như đã vỡ tan
Ở đâu đó vùng xa xăm
Anh bỗng buốt khóc
Nhớ làm sao cho hết
Những chiều mưa nước mắt đời em
Trên sân nhà giá buốt miền cao nguyên
Anh phải khóc vì em khóc
Như kẻ cô đơn gặp lại dáng mình
Anh lùi thối bên chiếc bóng dĩ vãng
Những đau buồn hữu hạn
Mùa mưa lại cũng trở về

HÃNG

THÀNH ĐỨC PHONG

Giám-đốc : MÃ-HY

224. Lê quang Liêm

CHỢ LỚN

HÃNG NƯỚC MẮM

BÌNH KÝ

Chuyên sản - xuất nước mắm mùi vị
thơm ngon hảo hạng. Giá phải chăng.

Chủ-nhơn : PHÙ-NGỌC-LỤC

Số 1, Cái-văn-Ngà

KIÊN-GIANG

CHUNG DUNG

Chủ nhân nhà máy
ĐỊCH - PHÁT

55, Đường Hùng - Vương

KIÊN-GIANG (RẠCH-GIÁ)

NGUYỄN VĂN UẨN

KIẾN TRÚC NHÀ PHỐ

- VIỆC LÀM ĐỨNG ĐẮN
- ĐƯỢC NHIỀU TÍN NHIỆM
CỦA THÂN CHỦ

BỘT GẠO LÚC

BÍCH CHI

TRƯỜNG SINH OHSAWA

- Người già sống lâu
- Người bệnh mau lại sức
- Phụ nữ hết mụn
- Trẻ em mau lớn

NƠI SẢN XUẤT :
1611, Phan-bội-Châu
SADEC

TỔNG PHÁT HÀNH :
148122E, Yên-Đồ
SAIGON

108124, đường Nguyễn-thiện-Thuật SAIGON

TRONG CĂN NHÀ TRÔNG từ kể tường

Nhà người bạn tôi ở trên sông thuộc một xóm lao động may mắn thoát ra ngoài vùng lửa đạn trong cuộc tấn công của VC vào những ngày Tết Mậu Thân. Căn nhà xây cất bằng vật liệu nhẹ, bốn phía vách lá, mái tôn, sàn gỗ, được chôn đở bằng những cây cột không lấy gì làm chắc cho lắm. Trong căn nhà gồm một bộ ván lót phía trước là nơi vớt bữa bãi nào là sách vở báo chí, những bản nhạc rê tiền, những bài ca cải lương rách nát và vô số vài vụn phẩm màu, kéo thước đo, bàn ủi, kim, chỉ. Nghĩa là không thiếu một thứ gì và bất cứ thứ gì ở đây cũng có. Phía trong kê một chiếc giường ọp ẹp không biết sẽ gãy đổ vào lúc nào, trên giường cũng bữa bãi nào là gối mềm mùng chiếu quần áo dơ khăn mặt. Hai bên được ngăn ra bằng một lần vách lá, cửa buồng buồng một tấm màn nhạ nhòe cáu bẩn. Cạnh cửa ra vào đặt một chiếc ghế ngồi cho mỗi một mình anh. Người bạn tôi làm thợ may và anh chuyên may áo Veste. Tất cả căn nhà luôn có anh nhà được chống đỡ bằng những hàng cừ ngang dọc phía dưới. Những hàng cừ rất lâu năm, mục nước, có cây đã gây phân nửa. Căn nhà do đó trở nên cheo leo, đu đưa theo từng cơn sóng đánh. Tôi cứ tưởng tượng trong một phút rất bất ngờ nào đó. Căn nhà sẽ đổ xuống, chìm lìm dưới lòng sông. Nhưng căn nhà đã bình yên một cách ngoạn mục đến bây giờ và nhất là sau

con lửa đạn theo trí tưởng tượng của tôi căn nhà này không có một lý do nào vững chắc để khỏi phải làm mới cho thân hòa trong lúc đó không thiếu gì những ngôi nhà lầu cao ngất những biệt thự rộng lớn chắc chắn đã trở thành những đồng gạch vụn tang thương. Nhờ những sự kiện lịch sử ấy mà căn nhà ọp ẹp đó giờ đây đối với anh với tôi hay với người khác trở nên quý giá đáng yêu vô cùng. Căn nhà là chỗ dung thân, từng ngày chỗ vỗ về giấc ngủ từng đêm chỗ mơ ước cho những năm dài kéo lê lết sau con binh biến kinh hoàng vào những ngày đầu năm mới.

Tôi tìm đến căn nhà đó với cả một hy vọng to tát cấp thiết nhất sau khi đã đi lên lối vào tận nơi tan nát tro than để tìm những nền nhà cháy xém nám đen của người thân thuộc khu vực bị cháy. Tôi đứng rất lâu để nhìn ngắm hồi tưởng và bằng hoàng giữa buổi trưa nắng cháy da của tỉnh nhỏ miền nhiệt đới. Mỹ Tho đó, thành phố bình yên nhất miền Tây đó, bây giờ hầu như không còn nữa. Nói đến Mỹ Tho bây giờ là phải nói đến hơn 30.000 người không nơi ăn chốn ở chui rúc trong hai trại tạm cư, phải nói đến một vùng rộng lớn trù phú đã tan tành bùa bọc bởi những đại lộ mất rợp bóng cây em đêm vườn tược. Một nửa Mỹ Tho là ở đây hay cả Mỹ Tho cũng có thể là ở đây, bởi bây giờ nó là đại diện là tiêu biểu cho cả thành phố xinh đẹp này và cả trong lòng người tan nát. Tôi đã vào đó trong sự lặng yên bằng hoàng chay cứng thì tôi cũng đã rời bỏ ra đi trong bằng đủ thứ cảm giác ấy. Lẽ ra tôi đã trở lại Sài Gòn ngay lúc đó nhưng tôi cố tìm ra nhà người bạn để ở lại vài hôm nữa tôi muốn nghe Mỹ Tho thật rõ ban đêm và nhìn hạt rỏ Mỹ Tho ban ngày đến độ phải

thuộc lòng tất cả những hố bom dấu đạn những bi thiết của lòng người.

Đêm đầu tiên đến với tôi chính trong căn nhà trống trải buồn thiu đó, với người bạn, với chiếc giường ọp ẹp với không khí lạnh băng. Căn nhà tối tăm lộng gió nhưng đêm thật sáng tỏ ngoài kia. Trăng tràn trên sông ào ạt qua kẻ vách, hòa châu bùng lửa trên vườn cây. Đêm khởi từ chiều bằng hai trái lựu đạn nổ bên kia sông thuộc khu của Biệt động quân trấn giữ Tôi đã nghe tiếng gọi tàn thương vội vã, tôi đã biết chính xác có hai người lính Biệt động quân bị thương nặng đang nằm thoi thóp trên băng ca. Thế là thế nào? Tôi hỏi người bạn. Anh thần nhiên trả lời ở đây vẫn thường như vậy, mình gài rồi chính mình lại đâm phải. Câu nói gọn gàng hết sức khiến người nghe cũng chưa kịp có những xúc động dù là những xúc động nhẹ nhàng trong một phút, một giây. Nếu chuyện xảy ra ở một thành phố bình yên nào khác, một xóm nào khác chắc chắn sẽ có những tiếc thương, bàn tán. Đàng này tuyệt không có chuyện đó, mọi người xung quanh đều rất bình thản chừng như đã quen thuộc lắm rồi. Thật vậy, trong thành phố đổ nát này những cái gì còn lại là những cái dừng đọng chày đá nhất, những cái gì xảy ra sau chốt là những cái đã trở thành quen thuộc nhất. Tôi cố quên hai trái lựu đạn, cố quên hai người lính bị thương nặng cố quên tôi là một người lạ trong thành phố này để không còn nghĩ ngợi gì nữa dễ dàng ngủ một giấc ngủ ngon. Nhưng tôi đã không đạt được những điều ấy, tôi thấy lòng ray rứt bực bội hết sức, và tôi cứ mở mắt nhìn trùng trùng lên đỉnh màn thờ nặng nhọc như người đau nặng trong lúc người bạn của tôi nằm bên cạnh đã ngủ say tự lúc nào. Tôi lục đục trở dậy tới bên cửa sổ nhìn

ra ngoài, ánh trăng dạt dào trên mặt nước, gió lửa miền mẩn da mặt. Con sông không rộng lắm, từ bên này tôi có thể trông thấy người lính biệt động quân ghim súng ngồi gác trong một lùm cây rục rờ ánh trăng. Đêm kéo dài thêm ra với những tiếng súng bắn từ đâu xa vọng về thành phố. Tôi trở lại giường nằm và nghe hoài hoài như vậy đến gần sáng. Lúc đó người bạn tôi mới cựa mình mở mắt ra hỏi không ngủ à. Tôi nói khó ngủ quá, Người bạn tôi cười một tiếng nhỏ rồi tiếp tục lại giấc ngủ. Tôi thấy mình thật ray rứt thật hoảng khoải như thế mong chờ một điều gì ngoài kia.

Sáng hôm sau tôi và người bạn đi uống cà phê cách đó một con đường. Quán cà phê này không mang nhãn hiệu, một phần nhà trước mấy chiếc bàn vài chục cái ghế ngồi thể thời cũng đã trở thành một quán cà phê. Khách hàng thường lui tới đây là những người quen thuộc hầu hết là thanh niên và lính biệt động quân. Quán tuy sơ sài nhưng cà phê pha rất ngon. Người bạn tôi quảng cáo như vậy. Lúc tôi và người bạn bước vào quán không còn một chỗ trống. Chúng tôi phải ngồi nhờ bàn với mấy người lính biệt động quân,

Tôi nhìn anh lính biệt động quân trông anh có vẻ chịu đựng hơn là than van trách cứ, nghe anh nói chuyện đánh nhau một cách bình thản tôi nghĩ đến người bạn và những người chung quanh ở đây, chắc có lẽ họ cũng quen với lửa đạn bắn giết quá rồi. Tôi đàm ra buồn cười cho mình, cứ nôm nốp lo sợ sẽ có một tràng đạn từ hẻm hóc nào đó bắn bữa vào đây, có thể lắm chứ?

Tôi và người bạn uống hết hai ly cà phê phin rồi đứng lên, từ bên kia sông có tiếng tu húy thét vang tất cả lính đang ngồi đều vội vã đứng lên, một người nói lớn tập hợp nghe anh em Tôi và người bạn trở về nhà, trong lúc anh ngồi may lạch cách ở phía trước tôi mặc quần áo sửa soạn ra phố một mình.

rồi những mơ ước ngui lạnh đóng băng, và ít ra, hiệu quả của một bằng hoàng: tôi (liền trong đêm đó) sẽ cặm cùi viết nhì nhằng bên chiếc bàn cho đến khi nào tôi là người và gục đầu xuống, thái dương hăm hấp.

Những giọt cà phê đậm sẽ hứng khởi tôi trong tiếp tục (một con tính "giả vờ" còn lại trong đêm). Những buổi chiều đến sớm, tôi như kẻ xa lạ. Nhiều lúc tôi thích vậy, thích người khác để tôi yên (nhưng với điều kiện người khác cũng đừng làm nhảm). Thằng hoặc, người khác vọng động, tôi chắc cũng sẽ không hơn gì để mặc tình cho trí tưởng vu vơ.

Những cây thông lúc nào cũng gọi lên trong tôi điệu buồn u ám vắng. Nhiều lúc nhớ lại mấy câu thơ của một thi sĩ mô tả cây thông và niềm mơ ước trở thành, ở kiếp mai hậu, cây thông reo vì vu giữa trời lồng lộng, tôi phản kháng (những ngày bình thường tôi đồng ý) chỉ ở một thời nào đó, một nơi chốn nào đó, niềm mơ ước đó mới được thỏa nhận. Nhưng, dù sao, tôi cũng là kẻ thua thiệt, thua thiệt trong hành động, hành động để chu toàn bổn phận, luôn cả hành động để tiến thân nữa.

Đêm Cao Nguyên lạnh. Lạnh băng như khởi thật giữ trong tủ lạnh. Tôi mon men ra đứng giữa vườn hoa. Mấy đoá hoa hồng buổi chiều còn búp, bây giờ nở toè mộng đỏ. Tôi sẽ chọn một đoá hoa nở khêu ở cuối vườn (có thể vì lão gát gian lười đến cuối vườn mấy đoá hoa sẽ còn lại ở đó, nở đẹp) gắn trên mái tóc Nhung, tôi giả vờ hôn nhẹ đoá hoa đó, để tìm lại những hương vị mùi tóc cũ của những ngày xa cách. Nhung sẽ nhong nhéo mắt đến tôi. Và sau câu nói của Nhung

có thể: Nhung ghét anh quá! tôi sẽ làm cho Nhung ghét thêm lần nữa bằng chiếc hôn nhẹ sau ót nàng.

Lần này, chắc Nhung chạy tùa vào phòng và không nói với tôi một lời nào hết, cho đến đêm chỉ có 2 đứa tôi trong phòng. Tôi đi trên những con đường nhỏ giữa 2 luống hoa. Hoa Hường đủ màu. Tôi sẽ không đến góc vườn kia (không đến không phải vì jười như lão gát gian). Ở góc vườn kia, một luống hoa bị đào sâu vì lỗ đạn pháo kích cách đây hơn tuần (đêm đó tôi không ở nhà). Khi sương ướt tóc hoặc khi nghe rợn lạnh, tôi trở vào và lại tiếp tục ghi những điều vừa nghĩ ngoài vườn hoa. Đi trong một lúc trống rỗng tâm tư, như một chất phấn kích thích những mệt mỏi thâu đêm. Sự thất bại của lòng đam mê tham vọng: ôm đồm và buông thả.

Những quyền sách đã ngẩng nắp hơn sau 1 tháng ngồn ngàng. Như vậy cũng có nghĩa là trong một tháng đó, tôi không làm được gì hơn ngoài những trang sách đọc dở, vứt bữa bãi. Những đài hoa rơi rải trên sàn phòng. Đài hoa màu đỏ thắm, có một lần thẳng bạn đến thăm, khom nhặt mấy đài hoa vò nát trong tay, mấy đài hoa rụng như những nỗi chết của bé bạn, những ngậm nhắm rút rủa thần thể mảy, thân thể tao...

Tôi cũng đã nhiều lần nghĩ như vậy nhưng được (đối với tôi) là tôi không nói ra điều đó. Tôi bình tĩnh nói với nó, không làm được gì chắc có ngày chết quá. Tôi nhìn những giọt cà phê đánh nhẹ trong đêm, hơi bốc lên cõi lòng như âm lại. Ở đây, cái gì tôi cũng phải tự mình làm lấy (và lại những ngày cũ tôi có được hơn gì đâu? Cũng một mình đảm trách mấy việc vặt vãnh đàn bà). Một vài



con thiếu thân còn sót lại (có thể chúng đến muộn) lảo đảo rồi bóng đèn bỗng như sáng thêm. Cây thông già chiu chất, chênh vênh trên mỏ đất cao (lão gát gian định thuê người hạ xuống). Buổi chiều lão cười với tôi. Nếu không hạ xuống có ngày nó đè ông chết. Tôi mỉm cười, trong thâm tâm phát sợ.

Buổi sáng nào từ sớm về sau một đêm trực thức trắng cùng sương cỏ diu hiu, tôi đã trở về lại căn phòng này, hơi từ khí của một đêm đặng đợi cơn Chờn vờn trên lối về buổi sáng: 1 vài xác người nằm vất vưởng ngang thân thông khô gĩa (thể nằm chết biểu tỏ một tác động chồm tới, vươn lên) Tôi có buồn phiền thật, buồn phiền về những nỗi chết của kẻ xa lạ.

Thật ra, những cái chết trong con người còn sống của tôi cũng đã làm đau tôi lần hơn cơn cái chết ngay lợm, và ý thức 1 lần thôi. Đêm Cao Nguyên dành cho những giấc ngủ trộm chần kín của những kẻ tự túc, tự mãn.

Những người trẻ tuổi chưa chắc đã yên giấc trong những đêm khi trời lạnh lạnh (có thể vì một chia cách nào đó, cũng có thể vì một ngại nghĩ vu vơ trong thế giới tư riêng, tù hãm, nhưng tôi tạm cho đó là hai cái có thể thao thức (cho mình

(Xếp tiếp trang 16)

Hai gã lính trẻ tháo cuộn kẽm gai bằng đôi tay trần, xương xẩu. Tay lạnh cứng và sức máu. Những mẩu gai nhọn đương đương, sẵn sàng dùi vào da thịt người. Hai gã lính vẫn cầm cúi gờ rờ và kéo dài giây kẽm gai, chạm vào cửa tôn tạo thành những tiếng ken két, dễ sợ.

Đây là doanh trại mới, kho vũ khí này phải rào chống xong để tránh tình trạng mất mát vũ khí. Ban vũ khí có nhiều người nhưng đã đi công tác ở các Chi khu mất hai phần ba tổng số, còn lại một phần ba thì tập dịch, gác, ứng chiến còn có hai tên và Gã, Sĩ Quan Trưởng Ban.

Gió núi thổi điên cuồng. Ba thầy trò Gã vẫn ngồi im lặng, theo đuổi công việc, thỉnh thoảng chửi nhau vài câu cho đỡ buồn. Hết gió, trời lại mưa. Những giọt mưa trông tưởng hiền từ nhưng sắc như dao, phóng vào kho, xô thầy trò Gã chạy rạt về một phía. Chợt thấy gầy gầy lạnh, Gã đội nón, bước trong cơn mưa, đi ra công, tiến đến chiếc quán cóc của một người vợ lính trong đơn vị.

Gã hỏi bằng câu hỏi xã giao thường xuyên :

— Hồi này khá không, chị Mai ?

Người đàn bà trả lời bằng nụ cười không ra cười :

— Cũng thường vậy thôi, Thiếu úy.

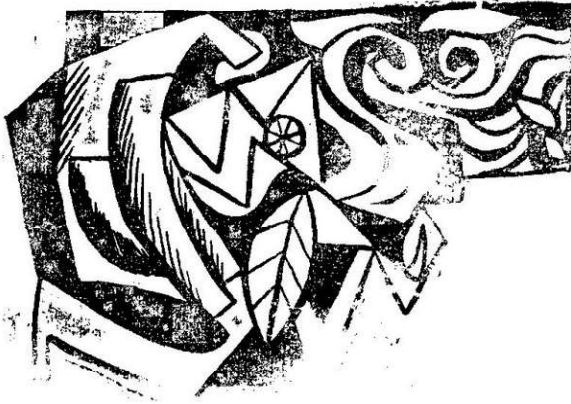
Gã nhìn bọc mực khô, gói trong bao ni lông, nhìn hàng la de đứng thành hàng và suyt soa :

— Chà chiều nay lạnh ghê. Chị cho con khô mực và chai bằm ba đi.

Người đàn bà đáp dạ, lui cui quạt lò nướng khô mực.

Gã nhìn về thung lũng trước mặt, suy nghĩ vẩn vơ. Những mái tranh những luống rau tươi xanh mát, ngọn đồi cao thông sừng sững với một vài ngôi nhà xây theo kiểu lâu đài thời Trung cổ bên Âu Tây, tất cả ở trong tầm mắt Gã nhưng Gã chẳng nhìn thấy gì. Người đàn bà này là vợ một Hạ Sĩ Quan cao cấp, nếu sống vào thời trước thì đầu đến nỗi phải cực khổ, phải co ro, cặm cụi bán hàng ở ven con đường hiu quạnh này. Bây giờ, tuy đã ngoài ba mươi nhưng chị ta còn phần phật nét đẹp con gái đài các. Khuôn mặt chị vẫn thanh tú, da vẫn trắng như trứng gà bóc, dáng người vẫn thon thon.

Quán thì rất tồi tàn : chỉ là một cái khung sắt, phủ mấy tấm bạt nhà binh đã rách, một poncho cũ để che mưa và mấy cái bàn ghế siêu vẹo. Gã thấy có sự tương phản giữa quán và chủ quán. Sự tương phản đó càng làm cho tình trạng sa sút của giới quân nhân, công chức bậc lộ rõ ràng hơn. Gã thở dài «Bây giờ, chỉ có tụi ăn cắp lưu manh, buôn lậu, đi điểm là giàu thôi !» Chẳng phải nói ai xa, như Gã đây, cả lương vớ lẫn lương con chưa được mười ngàn một tháng. Tiền nhà không mất vì Gã đã có chỗ ở nhờ, tiền điện, tiền nước người ta thương hại cũng chỉ cho luôn. Vậy mà vẫn luôn luôn không đủ. Thức ăn ở miền núi càng ngày càng mắc mớ, ngày đi chợ ít nhất cũng phải hai trăm, phải có lắm mới nuốt nổi. Thế là đã hết sáu ngàn bạc chẵn. Tiền qua sáng của vợ chồng Gã sơ sơ cũng phải trăm bạc một ngày — hai tô phở mỗi tô bốn chục, hai ly cà phê sữa nữa là vừa vụn — thế là mất vèo ba ngàn một tháng. Lương còn có mấy trăm, không đủ tiền mua sữa cho con. Đây là chưa kể tiền thuốc men, tiền quần áo, tiền tiêu vặt và nhất là tiền lai rai la-de cho bớt lạnh như chiều nay. Thế mà có ai biết cho, có ai thương đâu. Làm việc thì hai bốn trên hai mươi bốn. Cục thị không than nhưng đôi khi còn bị chuyện này chuyện nọ, thượng cấp xài xề như cái mùng rách. Nghĩ cho cùng, chẳng ai sướng trong cuộc chiến tranh này, trừ bọn Cộng Sản khôn nạn và tụi con buôn chiến tranh. Chiến tranh cứ kéo dài mãi, mức sống của dân chúng trong này rồi sẽ chẳng khác gì ngoài kia và kết cục chỉ những quốc gia đồng minh là càng ngày càng giàu hơn. Hòa bình chưa thấy đâu, chỉ nghe nước kia bàn thế này, nước đó nói thế nọ, trong khi nước đang có chiến tranh thì chẳng phát biểu gì được. Thật sự Gã cũng không thích cái kiểu hòa bình giả tạo như năm 1954, ngưng được có một thời gian ngắn rồi lại đánh nhau dữ hơn, chưa



TRUYỆN NGẮN • NGUYỄN ĐỨC NAM

kể đến nỗi đau phân chia đất nước. Hòa thì phải hòa cho ra hòa không thì thôi. Cuối cùng, Gã vẫn thấy rằng : phải chấp nhận chiến tranh.

Người đàn bà bán quán đã nướng xong con khô mực, mùi thơm phức. Chị ta để đĩa khô mực trước mặt Gã, mở chai bia nhỏ và lấy ly nước đá. Gã bảo :

— Thôi khỏi, để rồi uống bằng chai được rồi. Trời này uống nước đá như răng lăm.

Rồi Gã ngửa chai bằm ba lên tu. Gã xé ngang con mực, cho vào mồm nhai thật ngon lành. Mực ngon thiệt, vừa ngọt, vừa bùi lại vừa thơm thơm mặn mặn. Gã nghĩ : «có lẽ sang năm phải xin đi Phan Thiết, ăn cá, ăn mực cho đã. Ở đây hoài, ăn mãi rau, chán quá rồi.»

Nhưng khổ nỗi : nhà binh đi đâu có phải là dễ ! Mình xin đi vì ý thích, người ta lại bảo mình đi vì bất mãn. Mình xin đi, người ta lại bảo là thăng ấy làm ăn bê bối, bị tổng đi. Cuối cùng mình vẫn ở đây chấp nhận tất cả. Vẫn lang thang, đói rách, vẫn dở ông dở thằng, vẫn ừ lì chẳng ra làm sao cả.

— Mực ngon quá, chị nướng cho một con nữa cho một chai bằm ba nữa đi chị. (nói một mình) Mẹ kiếp, chiều nay có bão rớt ở đâu sao gió lạnh thế này ? Lạnh thế này mà thiếu ăn thì sống sao nổi ! Thôi thì cứ liều, ăn rồi ghi sổ, ghi sổ rồi mong ngày lãnh lương, lãnh lương rồi trả hết, trả hết rồi lại ghi.

Cuộc đời cứ như vậy mà quay tròn, như cái vòng lẩn quẩn. Nếp sống ở đơn vị này cũng chẳng khác gì. Việc làm hàng ngày cứ đều đều, bình thường đến nhàm chán. Chỉ khi nào có công vơ ở Nhà Trang hoặc Lâm Đồng đến thì cái không khí tẻ nhạt đó mới có chút thay đổi, nghĩa là đơn vị sẽ nhận nhíp hẳn lên với những đoàn xe Quân vận chạy ra, chạy vào, lên hàng, xuống hàng. Rồi sau đó, khi chiếc xe cuối cùng của đoàn Quân Vận rời khỏi trại, không khí bình thường cũ bắt đầu trở lại. Từ đây, người ta lại mong đoàn công vơ thứ hai tới. Các sĩ quan lại gặp nhau, nói chuyện. Các tài xế lại lái, vòng, lùi xe vào các kho. Lính Quân cụ và lính Quân vận lại gọi nhau ới ới. Lại vui. Lại háo hức. Lại vắng. Lại buồn.

Cứ như thế. Cứ đều đều, hoài hoài như thế, chẳng biết đến bao giờ thì ngừng nghỉ. Có lẽ là đến lúc nhắm mắt hay là đến lúc trái đất này nổ tung.

Gã tự nhủ — «V như là những giọt nước mưa chạy vòng vòng đi tìm chỗ trú. Cha con nó cứ sống loang quanh như vậy hoài, chẳng muốn cho nó ngừng mà cũng chẳng muốn cho nó chạy nhanh hơn.»

Gã uống một ngụm bằm ba đầy cổ, nhai một miếng rau mực và ngó sừng về con đường hiu quạnh chạy vòng về theo chân đồi, về phía rừng rú. Gã không hiểu con đường ấy dẫn về đâu. Gã không biết ở trong khoảng rừng núi ấy có gì. Gã muốn đi quá nhưng lại nhớ đến lần tấn công của địch mấy hôm trước đây và định đã tới theo con đường đó. Mạng sống của Gã, Gã cho là vô nghĩa, phí lý lăm. Nhưng còn vợ, con Gã. Cái đó mới là quan trọng. À thì ra người ta chỉ tìm thấy ý nghĩa của đời

sống khi mình sống thực sự cho kẻ khác. Vậy mà từ bao lâu nay Gã cứ ngỡ là Gã sống hoàn toàn cho cá nhân Gã. Gã thở dài — «Đất nước mình mà mình không dám đi tới, buồn thật. Biết bao giờ mình có thể một mình, không vũ khí, đạp xe đạp đi sâu vào khu rừng đó để bắn chim như hồi còn trẻ con ?;»

Có một người đàn ông mặc thường phục đi tới, chào Gã theo kiểu nhà binh. Gã nhận biết đó là một người lính thuộc trung đội của Gã đã giải ngũ. Gã bắt tay Hân, hỏi vồn vờ :

— Sao Sáng ? Hồi này Mây làm gì ? Về đây có chuyện gì vậy ?

Sáng ngồi xuống bên Gã, tươi cười :

— Em lái xe cho Mỹ ở Saigon, Em về xin thêm hồ sơ, Thiếu úy.

— Thế hả, Lương khá không ?

— Dạ, mười tám ngàn một tháng và buồn bán lạng những cứng được gần ba chục ngàn một tháng.

Gã nói nỉu so sánh, nửa than trách :

— Vậy là lương Mây gấp ba lương Tao rồi ?

Tên cựu quân nhân cười cợt, không nói gì. Hân gọi người đàn bà bán hàng và đồng đặc :

— Nướng cho mấy con mực và khui mấy chai bia nữa đi chị. Lâu lâu mới về một lần, Thầy trò mình nhậu một bữa cho thiệt say, Thiếu úy há ?

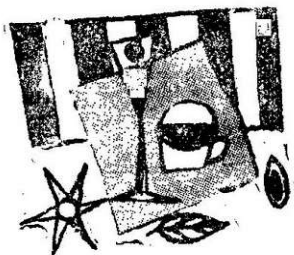
Gã ừ một tiếng, Gã xé một miếng mực, Gã chấm nước tương ớt, Gã cắn thêm một miếng ớt hiểm, Gã bồi một ngụm bia nữa, thế là dứt một động tác, một diễn trình của công việc nhấm nháp.

Hồi mới lên đây, Gã chưa từng biết uống rượu nhưng bây giờ thì Gã nhậu tài lắm rồi. Gã đã cảm thấy mùi vị của đồ nhấm, đã thấy thêm cái đắng đắng nồng nồng của chất nướu giải khát mẫu hồ phách. Gã cảm thấy từng trái nhưng Gã biết Gã đã hư đi phần nào. Nhiều khi, Gã có ý nghĩ Gã là người có đôi giày mới đang đi vào con đường lầy lội. Chỉ một phút buông thả thôi là Gã sẽ làm cho đời Gã vấy bùn như đời giấy. Gã biết là Gã yếu đuối lắm, dễ sa ngã lắm và chính cái sợ sa ngã của Gã làm Gã phập phồng lo sợ hơn là chính Gã sa ngã nữa.

Ở đây, thực sự Gã chưa sa ngã nhưng Gã đã sa sút nhiều. Trước kia Gã vừa đi học vừa viết lách lạng lạng cũng được hơn mười ngàn một tháng. Đồng bạc hồi ấy lại có giá trị hơn bây giờ nhiều. Gã ăn chơi, thuê nhà riêng ở, sống hoàn toàn phóng đảng, bơi trong đam mê trong tình yêu, vui điên cuồng. Hồi ấy, có rất nhiều người chạy theo Gã, xin được làm đàn em văn nghệ. Bây giờ, lũ đàn em đó đã vượt xa Gã về tiền tài, danh vọng. Có đứa đã đỗ đạt xong, làm lớn, trông thấy Gã, chỉ cười chào thật nhạt nhẽo rồi phóng xe quay đi. Có đứa đi làm cho Mỹ, nhà lầu xe hơi, vợ đẹp phây phây, Gã không dám tới gần vì sợ rằng chúng lại tưởng Gã đến xin số hay vay ti tiền cơm.

Ban bè Gã thì phần lớn đã đi lính, có đứa đã chết, có đứa đã tàn tật, có đứa đã làm quan to nhưng bạn đi hành quân liên miên chả bao giờ Gã

thơ có lửa



HOÀNG NGỌC LIÊN - HY VĂN
PHỤ TRÁCH

GỚI THIỆU NHỮNG VĂN THƠ CỦA
CHUNG-HỮU-HẠNH • BUI-QUỐC-KHÁNH

Lớp người trẻ hôm nay sinh ra trong chiến tranh và trưởng thành trong chiến tranh. Thật vậy 25 năm khói lửa tang tóc đã phủ đầy trên quê hương chúng ta. Người lính được mở mắt chào đời ngay trên Quê Mẹ bị tàn phá. Mời bạn đọc Chung hữu Hạnh:

*Con nằm đây giữa vùng trời bão tố
Rừng cây khuya vang tiếng nhạc sông hồ
Đêm cuối mắt nhắm nỗi buồn nhân loại
Trăng sao vàng trên bến nước thơ sơ!*

*Quê của MẸ hôm nay còn khói lửa
Đạn cây trên ruộng lúa đêm ngày
Tiếng bom rơi theo điệu buồn mẹ hát
Lời ca dao tròn tuổi ngọc tương lai...*

*Mẹ đẻ con, con chưa tròn tuổi một
Chiến hỏa lan tràn mảnh đất quê hương
Ruộng lúa vàng tươi chan hòa màu đỏ
Những ngôi nhà tro nền đất pha sương!*

Người trai lớn lên trong lúc quê hương vẫn khói lửa, dân quê bỏ dần canh tác để cầm súng giữ nhà, giữ nước. Chàng trai được nuôi dưỡng làm cuộc học trò trong những giảng đường của bà Mẹ suốt bao nhiêu năm qua:

*Từng người dân quê bỏ dần tay cuốc
Xa ruộng cây tay súng chống xâm lăng
Con bé nhỏ... biết gì Quê khói lửa
Biết gì đau khi lòng mẹ cảm hờn...*

*Mẹ sống nuôi con bằng giếng khơi củ mài
Vườn khoai chưa già tuổi mẹ già nua
Đêm cuốc đất, mẹ ngày đi họp chợ
Mẹ cố nuôi con làm kiếp Học Trò...*

Với 20 tuổi đời, anh gia nhập quân đội vì tự thấy phải đóng góp vào cuộc chiến đấu để mưu sự sống còn cho Mẹ, cho mình. Vì bà Mẹ đã từng căn dặn con lớn lên phải góp phần bảo vệ quê hương.

Chung Hữu Hạnh đã lên đường. Trong cuộc sống chiến binh thật nhiều gian khổ, anh luôn luôn nhớ về mái nhà xưa, nhớ người Mẹ hiền duy nhất. Anh không quên lời Mẹ dặn đem tình yêu Đất Nước Quê Hương đặt lên trên tất cả. Và anh sẵn sàng hy sinh cho tình yêu ấy.

Người chiến sĩ lên đường. Chuyện «xưa nay chinh chiến người đi, ai về?» thực ra cũng không có quá nhiều trường hợp «mất đi không trở lại.» Dù sống chết là do «mệnh trời», chiến sĩ vẫn coi cái chết nhẹ như bông hồng. Nhưng nếu có gục ngã trên chiến trường danh dự, anh cũng đã chiến đấu oanh liệt. Cái chết vinh quang của anh đã làm gương đứng cảm cho người chiến hữu — bạn anh. Không, anh không chết, anh còn sống mãi trong lòng người lính Việt Nam, trên những trang sử vẻ vang của một giống nòi bất khuất. Người chiến hữu đó, Bùi quốc Khánh của Tiểu Đoàn 3 Nhảy Dù đã viết về anh:

*Tôi viết tên anh lên trang sử
Tôi khắc tên anh trong lòng người lính Việt Nam
Tôi gọi tên anh khắp nẻo trường sơn
Tên tuổi đó, ngàn sau tồn tại mãi.
Nguyễn Đức Cầm
Giờ đây không còn nữa
Anh đã đi vào lòng đất mẹ yêu thương
Anh ra đi — Vinh biệt Chiến trường
Thân linh chiến như chim bàng gầy cánh
Ôi Khe Sanh
Ngủ ngàn biển lửa*

*Những tấn bom làm bốc khói rừng già
Xác giặc ngập đầy, xem thịt da
Quả chiến thắng chào mừng anh lần cuối
Nguyễn Đức Cầm
Anh có thấy?*

*Những đoàn quân tiến dưới hỏa lực thù?
Súng thép đó nồng — đêm tối âm u
Tiến chiếm mục tiêu—
Những mặt khu cổ hữu,
Đòi lại giang sơn, từng mảnh đất này.*

*Bạn anh đây
Thù anh đó
Riêng tôi khóc anh giữa mùa thu vĩnh cửu
Tôi tiễn anh đi trong tiếng súng cảm hờn
Nước non này, hơn một nửa Quê hương,
Nhưng còn đó, lớp lớp người đời diệt.
Anh có Quê hương ở bên kia bờ Vi Tuyền,
Hà Nội điêu tàn—ngục tối đau thương
Anh hãy mỉm cười trong ánh đêm buồn
Quê anh đó của thành xưa, phố cũ.
Nguyễn Đức Cầm*

*Tôi viết tên anh trên muôn ngàn trang sử
Tôi nhớ tên anh:
Người Chiến hữu trong tôi.*

BUI QUỐC KHÁNH
KBC. 4.794.

Sự hy sinh cao cả của anh đã hun nóng thêm bầu nhiệt huyết của một đoàn quân bách thắng. Những văn thơ, những ngọn lửa đầu tranh giữ nước, diệt thù của Bùi Quốc Khánh dù chưa thật là điêu luyện nhưng ai dám bảo không chân thành, tha thiết?

CÙNG CÁC BẠN THƠ.

Thư từ, bài vở cho Thơ Có Lửa từ nay xin các bạn viết trên một mặt giấy và gửi về Anh Tường Linh Tòa soạn Tuần báo Khởi Hành số 225 Phạm Ngũ Lão Saigon. Qua 8 kỳ báo nếu chưa thấy đáng, xin các bạn vui lòng gửi cho sáng tác khác. Xin cảm ơn các bạn.

• H.N.L. •

ĐỀ NGHỊ...

(Tiếp theo trang 5)

vui mừng nào đó. Ví dụ cần người nuôi ngựa, cần người chế tạo vũ khí, áo giáp. Ví dụ bà vợ cần người bế con, quét nhà, giặt quần áo... Đó là những người đầu tiên không sản bản hay cây cày mà vẫn được cung cấp lương thực — lương thực do giai cấp bị trị cung cấp cho giai cấp lãnh đạo. Chế độ lương bổng cho viên chức có lẽ bắt đầu từ bấy giờ.

Ngoại giả, trong số dân bị trị sẽ có nhiều người tìm đến các nhân vật lãnh đạo để tình nguyện phục vụ, vì công việc phục vụ chắc hẳn ít nguy hiểm hơn sản bản, ít vất vả hơn cây cày.

Số người thuộc giai cấp lãnh đạo càng đông thì nhu cầu của họ cũng tăng theo. Và lại, trong những ngày tháng yên ổn, những người lãnh đạo không phải lo chiến đấu, tất nhiên sẽ tìm kiếm cho nhau — cấp dưới tìm cho cấp trên những thú vui mới lạ, những cách sống huy hoàng. Ngựa hay, cung cứng, gươm sắc, quần áo đẹp món ăn ngon... là những thứ được dâng hiến cho các chỉ huy, cùng những nhân vật được gần gũi ông ta. Những người dân có tài nuôi ngựa, đánh cung, đúc kiếm, dệt vải, đều nhờ thế mà kiếm được nhiều tiền. Sau khi có nhiều tiền, chính những người

đó tại cần dùng đến ngựa hay, quần áo đẹp, món ăn ngon.

Dân chúng thấy có lợi, nhiều người sẽ bỏ đồng ruộng hay cung tên, tìm về sống cung quanh lâu đài của vị chỉ huy, lúc bấy giờ đã xưng vương, xưng bá. Những thị trấn đầu tiên đã thành hình, với một nền kinh, tế sơ khai, chỉ có sản xuất và tiêu thụ.

Nhưng không bao lâu về sau, có những người nhận ra rằng ở thị trấn này có người giỏi nuôi ngựa trong khi ở thị trấn kia lại có người tài dệt vải. Những người đó đem ngựa từ chỗ này đến chỗ kia, đổi lấy vải đẹp về cống hiến cho vị chúa tể và được lợi nhiều... Nhiều người sẽ làm theo như vậy, và chế độ mại bản đã ra đời, chen vào giữa sản xuất và tiêu thụ.

THỨ NĂM.— Trong số những nhân vật lãnh đạo có nhiều người chỉ có tài năng trung bình, nhưng cũng có những người có tài năng xuất chúng. Tài năng có hai loại: văn và võ. Người có tài năng về võ là người có tài chiến trận, như Alexandre đệ Nhất xứ Macédoine hay Thành-Cát Tư-Hân xứ Mông Cổ. Người có tài về văn, chưa phải là văn chương mà là thủ đoạn không khéo, mưu trí sâu xa, như Néron, Võ-tắc-Thiên... Cả hai loại người đều làm nên những sự nghiệp lớn.

Nhưng đến khi sự nghiệp đã thành, lòng kiêu ngạo đã được thỏa mãn, thì người nào cũng nghĩ đến cái

chết, nghĩ đến sự rời bỏ sự nghiệp để ra đi tay không, và cũng thành rồi bỏ như bất cứ tên cũng dính nào thì đều phát sinh ra tính thần sợ chết cao độ. Sự sợ chết xóa bỏ tất cả, con người tự nhiên phải hỏi mình, và hỏi người khác, về cái chết, và về sự sống. Các vị quân sự phải tìm cách trả lời, bày đặt ra các thứ thần linh, mỗi vị làm chủ một thứ tài năng hay một nguồn lợi thiên nhiên, và bên trên chư thần, có một vị chúa tể—tất cả đều bắt từ, nhưng đều lấy vợ, đẻ con, đôi khi còn tỏ ra khá lem nhem về đường tình ái.

6

Chúng ta không biết chế độ tín ngưỡng đa thần có thể thỏa mãn được các vị vua chúa lỗi lạc ấy đến mức nào. Nhưng có một điều chúng ta biết là sự bày đặt ấy khác nhau tùy theo địa phương, tùy theo dân tộc. Cho nên một người buôn bán ở nước này rất khó lòng đem hàng hóa sang bán ở một nước khác, nếu hai nước không thờ chung một số thần linh.

Hơn nữa giới trí thức ở nước này cũng ít khi tìm đến thăm một nước khác, mặc dù hai nước có cùng thờ chung một số thần linh, vì cho đến bấy giờ, tín ngưỡng mới chỉ có tính chất sơ sãi, thỏa mãn tự ái của mấy ông vua tự xưng là con của Jupiter hay của Ngọc hoàng Thượng đế, đồng thời làm cái cơ cho những uớc tề lệ, hội hè, làm vui cho quần

chúng mà thôi.

Thương mại của dân chúng, thảo luận của trí thức, vốn dĩ là 2 nguyên nhân chính yếu của những khám phá, phát minh, mở đường giao thông, cho phép nhiều dân tộc góp vốn tình hoa, đạt tới tiến bộ. Hai động lực này, cho đến khi chúa Ki-tô ra đời cho phương Tây; Phật Thích Ca và Lão tử ra đời cho phương Đông, có thể coi như tuyệt nhiên không có.

Cho nên không cần biết loại người có bao nhiêu nghìn năm lịch sử, chúng ta có thể xác nhận một điều là cho đến triều Cổ La mã ở Âu Châu và thời kỳ Chiến quốc ở Trung hoa, ở khắp nơi trên thế giới, lịch sử chỉ là sự tái diễn của những chế độ quân chủ chuyên chế ở từng lãnh thổ, lớn hay nhỏ, nhưng không thoát khỏi quy luật từ cực thịnh đi đến diệt vong rồi lại từ diệt vong đi đến cực thịnh, nếu không vì chiến tranh mà bị đối phương tiêu diệt hoàn toàn.

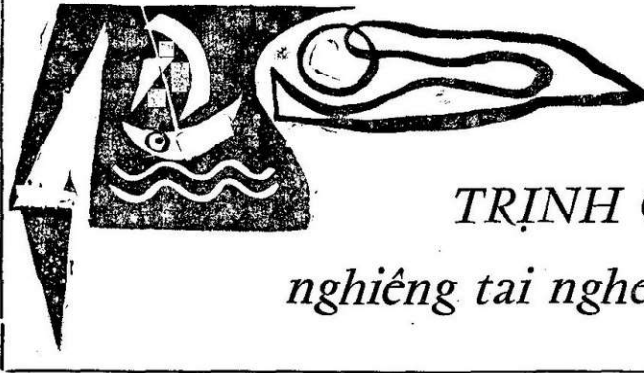
Về mức độ tiến nghi, trải qua đến 40 thế kỷ (mà người ta còn tìm thấy dấu tích) loài người đã đứng lại với con ngựa và chiếc xe bánh gỗ trên bộ, với con thuyền buồm trên sóng nước. Trải qua 40 thế kỷ, loài người không tìm thấy gì hơn, chỉ vì con người trí thức chưa có tham vọng, trong khi giới bình dân không có môi trường thông cảm với nhau. Mọi sự khác hẳn, sau khi chúa Ki-tô ra đời. Đó là điều tôi sẽ xin trình bày bạn đọc, kỳ sau.

Viết cho Huế là cái đề tựa Viên Linh nói ra tình cờ ở một quán nước buổi chiều tôi từ Huế trở lại nơi này. Không hiểu phải bắt đầu bằng điều gì về Huế. Tất cả Huế đã như một giòng máu vô thủy vô chung chảy theo nhịp điệu ôn hòa nuôi nấng nên tôi. Nói về Huế như thế chỉ là một lần nghiêng tai nghe lại chính mình.

Thử khởi đầu bằng tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu chín. Mùa Xuân vào tháng hai này tôi có ba mươi tuổi. Ba mươi tuổi chưa làm nên trò trống gì ngoài chút bình thân khi nghe tin người yêu đang nép mình dưới một bóng mát khác. Yêu là phủ lòng cho nhau. Được làm người yêu là được làm kẻ yếu đuối. Kẻ có con tim cực mạnh thì chỉ có nỗi sợ chứ không có người yêu. Những người yêu tôi thường bỏ đi êm thấm nhưng tàn nhẫn. Như một nhát dao bén cắt xuống thật ngọt tình cờ. Không có dấu hiệu. Ngôn ngữ sẽ biến mất vì không có dấu hiệu. Nên chút bình thân còn lại có lúc đã quy ngã. Ta cuốn tròn ta trong chiếc ghế bành như một loài sâu âm thầm. Ngoài kia là lá xanh non của mùa Xuân nhưng không còn thêm muốn. Ở mỗi đỉnh nhỏ trên đời sống hao mòn đi một chút. Mất sự bền nhảy bình thường. Cũng có lúc nghe mình nhẹ hẫng như sau phút bùng máu trào ra, chiếc bụng xẹp xuống của người bệnh lao.

Căn nhà tôi trở về, nằm bên cạnh một giòng sông và chiếc cầu. Chiếc cầu bị phá từ năm ngoài đã được sửa lại. Vẫn còn rất nhiều những căn nhà nằm trơ gạch đỏ hoang tàn. Mỗi lần trở về là mỗi lần mang theo cùng một thân thể xanh xao ốm đẽ bồi bổ lại. Không phải về Huế vì thói quen nhưng vì thêm muốn. Ở đây không có đời sống chen chân, hấp tấp. Mọi sự đều thông thả, nhẹ nhàng. Về lại Huế cũng có thể là về lại bên sau những cơn đập, những biến thù. Con đập che chở những giá trị còn sót lại của truyền thống. Đó phải chăng là đóm lửa còn thấp sáng trong lòng những người mang trách nhiệm nơi đây. Huế đã mỏi mòn, rồi rạc sau những cơn chấn động dữ dội của chiến tranh, của thiên tai của thù hận. Đã có lúc mặt đối mặt. Những cơn mắt căng ra nhìn rõ. Con tim nằm trong ngày nhạt thực. Những xung đột từ một xã hội cổ kính, câu nệ, đã đứng lên sừng sững, dàn rộng ra trên đầu trường. Tiếng nổ như thoát đi từ miệng hỏa diệm sơn. Phấn thạch trôi đi náo nức đốt cháy cây cỏ, nung chết sức sống của đất đai. Trời đi như thể máu trôi đi từ những mô chôn tập thể. Nước mắt từ những cơn nứt mở ra buồn thảm kinh hoàng.

Buổi trưa tâm hồn lặng thinh. Nắng cháy trên đầu những viên đá xanh. Nổi tích an trong đời có khi cũng làm con sông dữ. Nhưng rồi sự tàn liệt cũng muốn tàn mất. Tiếng khóc gào theo những đoàn xe GMC chở đầy những chiếc hòm sắp thẳng hàng. Tiều đệ kèn thổi lên điệu bi ai. Như vẫn



TRÌNH CÔNG SƠN nghe tai nghe lại cuộc đời

thời mỗi sớm mai trước căn nhà vĩnh biệt của bệnh viện.

Đó là điều đã thấy đã nghe nhưng không hiểu. Đời người quá nhỏ bé để phải chứa đầy từng ấy đau thương. Nỗi bất an có mặt trong từng bữa ăn, giấc ngủ. Thành phố rồi cũng trở lại với nhịp cũ. Nhưng những cánh tay bằng hữu đã níu lại nhau chặt vật hơn. Mỗi cử động nhỏ trong đời sống bây giờ là một cố gắng. Cố cố gắng mọc. Lúa cố gắng nhồi lên khỏi đất khô.

Đêm nay ở đầu cầu có người lính trẻ đứng gác cạnh những bao cát chất cao. Có những tiếng súng nổ vu vơ xuống một cánh bèo trên giòng sông tối. Đôi lúc nhìn lại con trăng rằm. Không hiểu nó có những đổi thay nào cùng với đất đai này từ bao nhiêu năm nay — mắt bạn bè giờ này cũng chong sáng trên những đỉnh núi cao, trong những hốc xa hút của rừng. Tuổi trẻ được căng ra bằng tất cả thanh xuân của mình. Có những tiếng cười vẫn còn non nớt nhưng giọng nói đã ôn hòa như của người già cả. Giọng nói đó nghe lại mỗi lần có tin một thằng bạn vừa chết. Rồi đôi mắt thật bình thân cúi xuống một ly rượu đầy. Những người lớn tuổi đã phải bắt động trước tuổi trẻ hôm nay. Đứa con đã thừa đủ gian nguy, đã thừa đủ đau xót hơn cha mẹ nó.

Trong một thành phố quá nhỏ đủ để mọi người ít lắm cũng có một lần chào nhau. Những khuôn mặt đến từ những chỗ ngồi quen thuộc ở một quán cà phê, đã thừa dằn đi. Sống bây giờ cũng là chờ đợi nghe ngóng từ thi. Bao lần khuấy mặt đỏ không phải đếm bằng đầu những đốt tay mà bằng tóc người. Bằng tất cả tóc của những đứa con ngồi lại. Đếm không xuê. Đếm huyệt hơi. Bài ca quá dài, sức người không với tới. Những âm thanh quá trầm. Những âm thanh quá cao. Có những âm thanh chưa có tên gọi. Mới mẻ và ở ngoài thiên tài. Có thể gọi được chưa thời đại này là thịnh thời của những kẻ sát nhân. Một tên sát nhân ngu dốt chỉ giết có một người. Một tên sát nhân thiên tài là nguồn ngành của điều linh. Hời những

viện bảo tàng quốc tế, Việt nam đã dựng xong một viện bảo tàng vĩ đại nhất. Tác phẩm mỗi ngày một nhiều hơn. Kẻ sát nhân làm nên định mệnh. Ta còn có quyền gì về ta. Ra đời vì dục tính. Chết vì sự ngu dốt và vì tham vọng ảo tưởng. Mỗi ngày chúng ta trôi đi trong guồng máy lớn guồng máy nhỏ. Cứ mãi làm nạn nhân của những tranh chấp hão huyền, vô duyên. Bạn bè và ta có khi là những viên sỏi bị mài mòn nhẵn nhưng phải cố vuốt nhọn mãi đời mình. Vì sợ hãi vì âu lo. Còn có ích gì khi ta không cất nổi tiếng cười sáng khoái mỗi sớm mai hay đêm khuya khoát. Ta đâu còn được ca hát đời ta. Có phải như thế gọi là bi quan tiêu cực không. Con người không được quyền ta thần nửa hay sao. Mắt người đã nhìn thấy rõ. Không còn điều bí ẩn nào. Nên cũng không còn một thứ giáp sắt nào chống đỡ nỗi cho những nỗ lực. Loài người chỉ có thất bại chứ không có thành công. Hãy tin điều đó như lời sấm. Những ngôn từ huy hoàng chỉ là bề mặt của sự điều ngoa. Con người đã thực sự khởi hành. Đi nhưng không bao giờ đến. Trên nét mặt trầm tư bao la của trời đất này ta là quái gì. Xin làm kẻ lữ hành ôn hòa nhất để còn nhìn mãi nhân loại chung quanh. Không nhanh chân vượt trước.

Cũng không chậm quá về sau. Nhưng không bao giờ mang ảo tưởng về đi và đến. Nhân loại cũng sẽ tha thứ cho kẻ không biết đến lòng khoan dung. Buộc tội là còn đi trên nẻo của giáo điều. Bên cạnh giáo điều ta luôn luôn muốn làm kẻ ngu dốt.

Có đôi lúc mong chọn nhà tù làm nơi ẩn thân cho đời mình. Nhưng như thế chỉ làm thêm một điều bội bạc. Bội phần bè bạn chung quanh. Cho nên vẫn còn ngồi đầu lưng với bạn bè trong nỗi bất lực. Bất lực mà biết được mình bất lực. Như thế là đã có hành trình. Một thứ hành trình không lớn lao nhưng cũng không hèn mọn. Một sự kiên nhẫn nhàn mà thôi. Cứ đứng đứng. Như đã đứng đứng với người tình phụ.

Xin cúi đầu trước hạnh phúc của những kẻ u mê. ○

ĐIỀU THUỐC

(Tiếp theo trang 9)

móc ra một xấp bạc 500 và rút ra mấy tờ mới toanh, trả cho người vợ lính, bán hàng. Gã biết là Gã đã thua vì nếu có trả tiền, Gã cũng chỉ ghi sổ mà thôi. Gã ngó trừng trừng vào đồng tiền của tên đàn em cũ. Gã không hiểu đến bao giờ Gã mới được cầm một bó 500 và xài thả cửa như nó. Nếu Gã có, chắc vợ Gã, con Gã sẽ sướng lắm?...

Tên lính cũ của Gã đã trả tiền xong. Gã bắt tay Hân:

— Thôi Mày về nhé! Bao giờ được giải ngũ. Tao sẽ đến gặp Mày, biết đâu Mày sẽ kiếm cho Tao được việc làm hả?

— Vâng, nếu Thiếu úy cần, em sẽ giúp.

Nói xong, tên lính chào Gã một lần chót rồi đi về phía công trại. Ở đó, có một chiếc Toyota đậu từ bao giờ. Tên lính cũ bước lên, mở máy xe và chiếc xe du lịch mới tinh lệ lạng lạng lên còn dốc trước trại Gã và mắt hút thật mau.

Gã bước xiêu dờ về phòng trực. Phòng trực vắng tanh. Những bàn ghế buồn giá băng. Gã chìm vào thế giới tĩnh vật. Gã móc túi kiểm bao thuốc Ruby Quân Tiếp Vụ. Bao thuốc còn có một điều, cong queo, gãy nứt. Gã vuốt thẳng điều thuốc châm lửa thật trình trọng và ngả người trong ghế dựa hít một hơi dài. Điều thuốc cuối bao giờ cũng cảm thấy ngon lành, dù là một sự ngon lành chua xót.

(những ngày ở dưới hầm)

miền sương mù sau tam.

Comme la vie est lente
et Comme l'espérance est violente.
G. Apollinaire

PHẦN THỨ NHẤT

2

Phùng thấy mình ngồi bệt dưới đất. Bụi tre sau lưng xào xạc. Người ta đang sửa soạn tiếp tục di chuyển. 2 hàng người kéo dài nối xam ngoài quãng trống giữa ruộng dưới nền trời nhợt nhạt, rồi lẫn trong môn đen các lùm bụi xa. Phùng ngỡ quên chẳng rõ bao lâu, nhưng nhớ chưa được bao xa; mới chỉ vượt cây cầu cuối dốc trại, quẹo vào đường xóm mấy trăm thước. Con đường sẽ dẫn ra xa lộ sau khi băng qua một thôn trừ phú. Tuyến xuất phát ở bên kia xa lộ. Chỗ này là đầu thôn. Gốc cây to cành lá um tùm sừng sững trên gò thấp một bên đường.

Xung quanh không nghe một giọng quen. Phùng đã rút tụt phía sau vì cơn ngủ gục, vội vã lia hàng nối đuôi, tiến lên phía trước. Buổi sáng thứ hai thế nào cũng trực trặc. Chỉ tại Hiền... Giấy nón sắt buồng thông dong đưa lách cách theo nhịp bước nhanh, Phùng vừa đi vừa ghé dòm vào những gương mặt tối tăm lần lữa khi vượt qua. Thỉnh thoảng ánh đèn bấm lóa soi thẳng vòng sáng đập mắt Phùng. Đoạn đường ngắt cật lún giầy làm Phùng trật cẳng mấy lần. Một đôi xa, Phùng bấp kịp đại đội, thờ phào nhẹ mình, nhập vào hàng dọc chậm bước.

Trong buổi sáng chưa rõ mặt, tiếng trò chuyện rừ rì chập chạng đứt đoạn xen với quãng im nổi dậy những tiếng động chộn rộn không ngớt trời. Phùng buông thả mặc bản năng hợp bầy dẫn dắt, có thể nhắm mắt đi, có thể ngủ bệt đi như lúc này một cách yên ổn. Nếu bất ngờ gục chết cũng chẳng hay.

— Chết cha...

Phùng nghe rõ tiếng kêu của mình bay vượt không kịp ngăn, đứng khựng. Tiếng hỏi lao xao, mấy người dừng lại chụm xung quanh. Cái gì vậy? Sao lại đứng lại... đi... đi... Những người phía sau bợc vòng quanh đám tụ, hỏi một câu tò mò rồi lại tiếp tục bước.

— Chết cha, tôi bỏ quên thùng đạn

Phùng trở ngược, chạy giữa đường. Những chiếc bóng lúp xúp vùn từ phía lùm bụi tuôn ra quãng trống ngoài ruộng chưa hết Phùng lom khom mò tìm suốt bụi tre, trong khì bóng người tiến qua sát bên rồi mất. Tú xuất hiện hồi nào, chân giầy quơ đá lạt sạt vào bụi cỏ bờ đất kiểm giúp.

— Anh còn ngồi đầu nĩa không?

— Không nhớ... Tôi ngủ quên.

Phùng nhớ tiếng quát xách lách xạch của chiếc thùng sắt hình hộp chữ nhật còn nghe rõ khi xuống dốc ngoài cổng trại, cái cảm giác đau cần trong lòng bàn tay nắm vì sức nặng như vẫn còn. Tú đi ngang mặt đường sang phía gốc cây lớn và những bụi cây gai.

— Không... chỉ ở bên này thôi. Phùng đứng ngầy giữa khoảng đường bỏ không hiện nổi mấp mớ sâu hút trong vòm đậm đặc của cây cối.

— Chắc có đứa nào xách hộ anh... anh nhớ không?

— Chắc thế.

Phùng đeo khẩu súng cá nhân lên vai, hai tay thông dong thoải mái, móc thuốc hút. Hơi thuốc quen của buổi sớm làm dịu những xốn xang bức bối. Phùng nghĩ: chỉ tại Hiền, Hiền không đến... Tại sao Hiền không đến? Kỳ cục.

— Thôi mình đi đi.

Lần này Phùng không chạy. Tú theo bên gót. Phùng cũng không phải ghé dòm các gương mặt bên đường. Đường như sự trở đi trở lại giúp

mượn hộp quẹt của Tú đốt thuốc, bùm tay giữ ngọn lửa đưa Tú ngắm, hỏi:

— Tuyệt không?

Tú không hiểu, nó cũng rút thuốc châm hút rồi dập tắt ngọn lửa xanh.

— Có món này đặc biệt.

Tú rút bì đồng, dang dặt khó khăn vì sau ba lô của nó đeo thêm mấy trái đạn súng cối 60 kèn càn, Tú mở nút, chia tời trước mặt:

— Cà phê. Em mua tối hôm qua. Chỉ tiếc không có đá.

Phùng hợp ngậm, tỉnh táo, nghe rõ vị lạnh tanh của chất kim bình chứa. Tú nốc một hơi dài, bật khà thành tiếng, lột chiếc nón sắt, chiếc nón sắt trong vành giầy đội có ghi một câu tiếng Tây ngổ nghề than thân trách phận một cách khôi hài,

— Thế còn thùng đạn của anh?

— Chắc đứa nào cầm hộ...

Trong nhà hình như có người thức dậy động kịch lịch. Tú chụp nón sắt lên đầu uể oải, có lẽ đến hồi nó thấm mệt. Nó đi thẳng ra phía đường mở chiếc cồng tre, bước xuống bậc đất nền nhìn toàn người đi qua ở dưới, không một ai chú ý. Rồi nó tiến nhanh nhập vào hàng và lại len lỏi vượt. Phùng vừa bám theo vừa luôn miệng xin lỗi.

Phùng và Tú bắt kịp đại đội khi băng qua lộ. Lúc ấy khoảng năm giờ sáng. Những chiếc xe hơi phải đi chờ hai bên để đèn chiếu và máy nổ. Những bóng người trong xe im ửng không mặt mũi chăm chú nhìn sự di chuyển qua đường giữa một vùng sáng rọi như một đoạn phim tắt tiếng. Một vài tiếng tung ném không hướng ứng: đi chơi sướng nhì... Mặt lộ nhỏ bông thoải dốc về phía Saigon. Mỗi lần nhìn xa lộ Phùng đều thấy nó là một cơn mơ phẳng nhẵn trần trụi mang vẻ đẹp phở phang kiểu hành. Con mơ làm bằng những ý tưởng sáng sủa chắc nịch, trí tưởng tượng suốt công kiệt ảnh tượng. Trưa nào nâng gút đi hành bên bờ đường, mắt kèm nhèm vì mồ hôi, mặt trời như cục lửa bệu sau gáy trên lưng áo, thấy mặt lộ trườn trải tít tắp với những bóng nước ảo ảnh như một mặt gương ám hoen mờ đục, Phùng tưởng mình có thể lẫn lộn lốc trên đó như bánh xe hơi những không thể đi, con đường không thể đi. Và Phùng mong đợi được dạt xuống các thôn xóm, rừng cây, khu đồi bên đường. Mấy cán bộ đại đội đứng chặn xe kêu: Súng cầm tay, gậy chết, súng cầm tay. Trong hàng bên kia vọng tiếng cười khúc khích.

— Ông già hút, thấy không?

Bước lên bờ đường cao, hai hàng người hụp hẹp lại và bắt đầu xô lệch mất hàng trên triển đội. Tú kêu cùng một lúc với những tiếng cười vang: Đây rồi, anh Phùng. Sinh vác cây còng đại liên trên vai, tay xách thùng đạn của Phùng, đứng nhe răng cười:

— Hết hồn hả?

— Tiên sư anh. Anh chơi đùa cho tôi với ông ấy chạy ngược kiếm. «Hít cốc» bỏ mẹ.

— Ông già tồn chưa? Tối ngày chỉ lo hút. Hồi này tôi xúi nó liệng bên bụi coi kỳ này ông tỉnh sao.

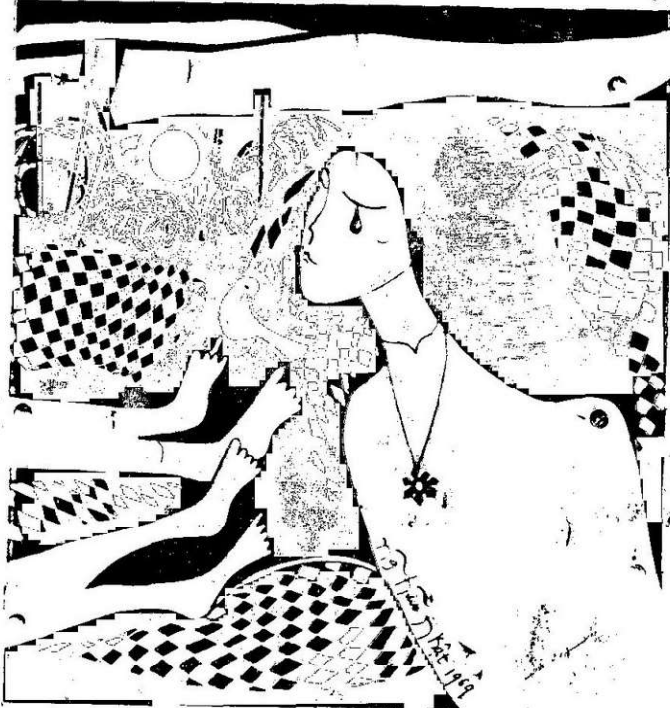
— Tôi đi sau anh. Mới xuống dốc mấy chục thước hỏi đã không thấy trả lời — Anh đi mà ngủ được giới thật. Tôi gõ sách thùng đạn anh cũng không hay. Tỉnh trả lại anh chừng dòm lại đã mất dấu. Cứ phải sách luôn cho anh nặng thấy mồ...

— Lát nữa tôi kiểm canh cây mình sáu hai thùng gánh là ăn chắc. Phùng cười cười bảo chứa như mỗi lúc bị Hiền chê trách.

Trên triển dốc thoải dài, các đại đội kéo tới dàn rộng. Trời ửng những vệt hồng thấp báo hiệu một ngày nắng nhiệt. Những tiếng động tỏa bay trong buổi mai đang rạng thật nhanh. Chỉ một vài phút, buổi sáng như đã cũ và sắp lên nắng. Người ta đã tiến đến tuyến xuất phát và dừng nghỉ. Quân trang được phép tháo bỏ người nằm ngời la liệt từng đám. Phùng uống mấy ngụm cà phê của Tú, xong nằm gối đầu trên ba lô, hé mắt nhìn nền trời nghiêng theo mặt đất. Cuối tầm mắt che cúp, bóng người bé nhỏ giữa đám ruộng không Bệnh cạnh Tú và Sinh ngồi bóc cam ăn nhồm nhoàm. Phùng vẫn yêu những buổi sáng, những buổi chiều tối, nằm ngửa phơi trên đồi lìm đim không nhớ tưởng rõ rệt. Rồi Phùng lại thiếp ngủ, miệng cam Sinh nhét vào tay giữ nguyên.

(còn tiếp)

ĐẠO - THOẠT



Truyện dài của Thanh Tâm Tuyền

Phùng có thể nhận rõ ra chỗ của mình trong bầy dễ dàng khi gặp. Và trời cũng đã hửng sáng, thứ ánh sáng nhẹ phủ như cảm giác trên mặt mũi đã thấy bụi bặm dính. Một quãng, Phùng phải ném bỏ thuốc chưa tàn hết nửa, tạm lẩn vào trong hành nối đuôi tránh tiếng nạt nộ của một viên sĩ quan cán bộ, rồi Tú len lỏi vạch hành rào, đi xuyên trong các sân vườn trước nhà còn lặng tiếng, để vượt đến trước. Tú đi vòng vào, nhiều lúc sâu vào tận sau nhà tìm lối, như sắp lạc. Những tàn lá thấp xòa tấp vào mặt. Chốc chốc chó sủa ran bọ chạy. Đoàn người dưới đường trũng thấp, chỉ trông thấy những bầu nón sắt nhô thụt và âm động dài đã hòa lẫn trong sự nín thinh của ngày đang lên ngập ngừng.

Nghỉ nhân dưới gốc cây điều, trái gấc đã nhìn được sắc đỏ, Phùng

Tú với tay bứt mấy trái điều trên đầu, nhét vào ngực áo. Thân nó cao lêu đêu, xếp hàng chuyên phải đứng đầu, Phùng nhớ trong lớp nó ngồi bàn cuối và mỗi lần bị gọi đứng dậy đều lom khom.

— Bây giờ chỉ về nhà nằm ngủ thẳng cẳng là sướng... Hay anh với em chuẩn về đi.

— Làm sao cựa vào trại?

— Thiếu gì cách... không thì về tuốt Saigon.

— Còn các món linh kinh này...

— Ủ nhì... Dẫu tại chỗ nào...

Muốn ra sao thì ra.

Phùng đưa chiếc nón sắt trả Tú, nhìn vào mắt thẳng bé. Trong bóng mờ, chắc nói chẳng trông rõ ánh mắt Phùng nhưng nó vẫn cúi đầu lẩn tránh, Phùng nghĩ nó vẫn nhìn thấy ông thầy ngày trước, ông thầy bắt đặc đi...

— Đầu có được.

NHUOM. HAP TAY

TOKYO

(DONG KINH)

QUAN : Dacron, Tergal, Fil a Fil, Orlon.

AO DAI : Nylon, Nylfrance, Soie Thai, Sirro

Montagut, Gấm, Nỉ, Dạ,

nhận nhuộm áo Montagut đủ màu nước thuốc Pháp Quốc

ĐỦ MÀU BỀN ĐẸP — MẠNG SANG SỢI CÁC LOẠI ĐỒ TÂY

125, Lê-thánh-Tôn — SAIGON — Đ.T. 22.235

TRẦN VI CHIÊU

MANAGINS DIRECTOR

NGUYỄN PHÁT PHOTO — PROCESS PRINTING CO LTD

1517, Ngô Quyền Street

SAIGON

TÍCH NGÂN

TRẠI HEO GIỒNG và HEO THỊT

CẦU THAM LƯƠNG

đường SAIGON — TÂY NINH

QUỐC LỘ SỐ 1

HỐC MÔN

GIA ĐỊNH

TRẠI HEO GIỒNG

MỸ LỆ

BÁN HEO GIỒNG TỐT ĐỦ CỜ

Xã Đông Hưng Tân

HỐC MÔN

LIÊN ĐOÀN HỎ TƯƠNG BẢO HIỂM

CÔNG VIỆC BỒI THƯỜNG MAU LẼ

85, Nguyễn cư Trinh

SAIGON

TRẠI HEO

PHÙNG A NGU'U

CÓ BÁN ĐỦ LOẠI HEO GIỒNG TỐT

Xã Đông Hưng Tân

THAM LƯƠNG

XUÔNG CỬA MÂY

ĐẶNG TẤN PHÁT

An Hòa — Rạch Sỏi

KIÊN GIANG

HIỆP THUẬN PHÁT

CHUYÊN BUÔN SẮT VÀ TÔLE

2, Xóm Vôi

CHOLON

Trạm xăng SHELL

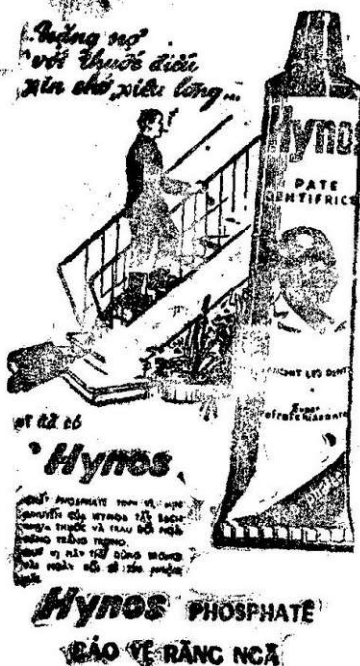
LỢI THÀNH

Chủ nhân NGUYỄN QUAN HUỆ

Bán đủ loại: DẦU, XĂNG, NHỚT

Xã An Hòa (đường lộ mới)

KIÊN GIANG



ÔNG

LỮ TÀI QUANG

THƯƠNG GIA MỄ CỐC

275, Lê quang Liêm

CHOLON

TRƯƠNG VĂN ÚT

Pharmacie HỮU ĐỨC

138 Phan Thanh Giản

SADFC

Điện thoại số 24

HOÀNG MỸ

Chuyên may Y phục phụ nữ

Rất hợp thời trang

110, Đề Thám

SAIGON

FO CHI CƯƠNG

HÀNG DU LỊCH

31, Lạc Tử

CHỢ LỚN

HƯƠNG XUA...

(Tiếp theo trang 4)

Về hình thức bài ca dao này nếu tính chỉ hơn nửa, nghĩa là lạc bộ những chữ lặp đi lặp lại nhiều lần như «Phú ông xin đổi», «Bòm rằng Bòm chẳng lấy...», «trâu», «mè», «lim» «mỗi» thì thay vì 70 chữ nay chỉ xấp xỉ đúng có 32 chữ. Kiệt tác văn chương chưa! Các ngài hãy thử tìm xem có bài nào, chỉ có 32 chữ, lấy đi lấy lại nhiều lần cũng chỉ tới con số 70 là cùng thể mà lại có khả năng diễn tả nỗi hai quan niệm sống hoàn toàn khác biệt nhau, xin cứ tìm đi!

Bài ca dao ba mươi hai chữ mẫu nhiệm đó đã được bao khối óc đặt thành trọng tâm nghiên cứu dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Và cái ánh sáng của thứ ngôn ngữ phù thủy kia khi lóe lên đã làm chúng ta choáng mắt. Chưa kể đến nỗi quên hết cả những khe hở về hình thức.

Xin hãy tính táo mà nhìn lại. Theo qui luật thơ lục bát, chữ thứ tám của câu bát ở trên phải vần với chữ thứ sáu của câu lục liền ở dưới. Văn chữ không được điệp, nếu điệp thì dễ bị rơi vào chỗ tầm thường và nghe chói tai (cacophonie). Thế mà ở bài này câu trên có nhiều chữ điệp với câu dưới: trâu trâu, mè mè, lim lim, mỗi mỗi.

Lại còn những sơ hở về chuyện giản lược, giản lược cả câu dài thành đọc có một tiếng cụt lủn, có khi như tối nghĩa: 3 bò 9 trâu thành trâu, ao sâu cá mè thành mè, một bè gỗ lim thành lim, con chim đôi mỗi thành mỗi (?). Dĩ nhiên nếu xét về phương diện văn phạm thì không thể chấp nhận theo cái kiểu giản lược như thế được. Khi một câu hỏi dài nêu ra, câu trả lời có thể tóm gọn trong một chữ là đủ, thường thường dùng chữ «có» hay «không». Cũng có thể lấy một vài chữ chính rút trong câu vừa hỏi để trả lời. Thí dụ: Anh có định ăn cơm với chúng tôi chiều nay không? — Ăn. Hoặc: Đi chơi với chúng tôi một thể nhé? — Đi thì đi. Trong bài ca dao, thằng Bòm có thể dùng 2 chữ «chẳng lấy» để tỏ thái độ từ chối, hay bằng cả câu: «Chẳng lấy 3 bò 9 trâu», chữ không thể nói theo lối giữa quãng «chẳng lấy trâu» như thế được. Tuy vậy có điều là là lối nói giữa quãng này ai cũng chấp nhận và hiểu ngầm được cả chứ không hề thấy chướng. Mù quáng chăng?

Ông Nguyễn hữu Phiếm đã có lý một phần nào khi cho rằng những nét độc đáo trong ca dao Việt Nam là lối nói thật là giản dị, đầy hình, ảnh linh động, mỗi câu có ý nghĩa rõ ràng đọc lên nghe có vẻ đúng khiến người nghe—nhất là đại chúng bình dân—dễ hiểu dễ nhớ. Tí dụ: mo, bò, trâu, sâu, mè, bè, lim, chim, mỗi, xoi như ở trong bài thằng Bòm. Những nhận xét đó thì chẳng cứ ông Phiếm mới có, nhiều người cũng đã từng nghĩ như vậy. Và thật ra, những nhận xét đó không phải hoàn toàn đúng cho mọi bài ca dao. Nếu nghiên cứu kỹ về ca dao, nhiều khi ta thấy ý nghĩa và ngôn ngữ của nó đã làm ta bối rối không ít. Ngôn ngữ hoặc diễn có trong văn chương bác học có thể còn có sách vở để kê cứu chữ trong ca dao thì biết trông cậy vào ai, vào đâu bây giờ. Có dịp chúng tôi sẽ đề cập đến tính cách nhảm hồ ngôn ngữ trong ca dao.

Trở lại vấn đề hình thức trong bài thằng Bòm. Nếu những chữ điệp không bị chèn thì những câu lặp đi lặp lại «Phú ông xin đổi...», «Bòm rằng Bòm chẳng lấy...» không thể bắt bẻ vào đâu được. Phải khen là khác. Khen vì đã làm cho ý thêm mạnh, mới lột được cái thái độ nản nỉ khản khản của phú ông khi muốn đổi lấy cái quạt và mới nói lên được cái cung cách nhất mực khẳng khái chối bai bai của thằng Bòm. Một bên tỏ ra thêm khát đến độ phải hạ mình «xin đổi» trong khi bên kia vẫn cao giá «chẳng lấy», có vẻ như đứng đưng không chú tâm gì tới vấn đề. Có thể cái thái độ không tha thiết, không quan tâm của Bòm còn được biểu hiện bằng lối giản lược như đã nói trên: Phú ông kẻ rành mạch 3 bò 9 trâu thế mà Bòm chỉ đáp «chẳng lấy trâu...»?

Thái độ của 2 người được bày tỏ rõ rệt như thế, chữ không phải như kiểu ông Phiếm nhận định: «Nếu Phú ông tỏ ra là con người lịch sự hết xin đổi cái này đến cái khác thì thằng Bòm ăn nói cũng rất dễ thương, mỗi khi đáp lại cứ lấy đi lấy lại mãi câu: Bòm chẳng lấy...»

Cái nhân sinh quan giữa 2 nhân vật trong bài ca dao xuất hiện như thế nào? Đó là quan niệm về Hạnh Phúc mà 2 người đã đi theo những chiều hướng hoàn toàn trái ngược nhau.

Bòm nhơn nhơ ca hát, giữa những cánh đồng lồng gió, chân thấp chân cao, chiếc quạt mo cầm tay. Nó không để ý tới ngoại vật. Nó là một đứa trẻ tóc còn để bòm, để chòm, sống ngày thơ vô tư tự tại. Nó là biểu tượng của Hạnh Phúc. Hay nói cho đúng Chính Nó Là Hạnh Phúc. Trẻ con bao giờ cũng sống cuộc đời hồn nhiên, sung sướng vì chưa có ý thức. Tuổi ngày thơ là tuổi đẹp nhất của cuộc đời. Trẻ con đồng hóa với tự nhiên. Nó Là Tự Nhiên. Kierkegaard đã viết trong Le concept de l'angoisse: «Trong ngày thơ, con người không phải là vật nhưng cũng chưa phải là người».

(Xem tiếp trang 16)

NHÀ VĂN NHẬT TIẾN

NÓI LẠI VÀI ĐIỂM TRONG BÀI PHÒNG VẤN ĐĂNG TRÊN KHỞI HÀNH SỐ 2

Trong Khởi Hành số 2, nhà văn Du Tử Lê có nhã ý thực hiện một bài phỏng vấn gồm 12 câu hỏi dành cho tôi. Bài phỏng vấn này được đặt dưới hình thức nói chuyện và tác giả ghi lại thành bài. Mặc dầu tác giả đã hết sức cố gắng trung thực, nhưng từ hình thức lời nói sang qua hình thức chữ viết, lại trong một khung cảnh ồn ào tiếng trẻ nhỏ, nên dấu sao cũng không tránh khỏi những khiếm khuyết làm sai lạc ý nghĩa của câu trả lời. Vì vậy tôi xin được đính chính một vài điểm sai lạc cần thiết có thể gây hiểu lầm. Mong quý độc giả vui lòng tha lỗi cho tôi về sự làm mất thì giờ và chôn chỗ của trang báo đang cần thiết để đăng những bài khác quan trọng hơn.

1) Đề cập đến địa hạt phê bình, tôi có phần nản về sinh hoạt phê bình hiện nay rời rạc, lẻ tẻ và có một số bài Phê bình có tính cách thù tạc, bẻ phái — Nhưng đó chỉ là một nhận định tổng quát về bộ môn phê bình trong hoàn cảnh hiện tại chứ không phủ nhận sự hiện diện của những cây bút phê bình giá trị đã phải hy sinh nhiều tình cảm cá nhân để có thể viết được những bài phê bình có tính cách soi sáng cho tác giả và độc giả (mà riêng về phần tôi, Nhật Tiến, cũng đã được thụ hưởng những lời khen, chê chính xác và hữu ích) — Tôi có thể kể đến những cây bút phê bình đã âm thầm đóng góp cho địa hạt phê bình nhiều bài giá trị như Nguyễn Mạnh Cầm, Cao Thế Dung, Uyên Thao, Lữ Phương, Thử Trung, Đặng Tiến...v.v...

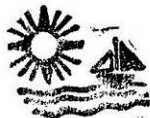
2) Đề cập đến một nguồn dư luận xếp các tác phẩm của tôi vào loại hậu duệ của Tự Lực Văn Đoàn, tôi có nhận định rằng, theo quan điểm của tôi, hình thức của văn chương chỉ là phương tiện để chuyển chở nội dung của tác phẩm. Vậy văn chương viết càng ngắn, càng gọn, càng dễ hiểu thì càng giúp cho độc giả dễ dàng cảm thông với nội dung tác phẩm. Và chính nội dung của tác phẩm mới là điều

đáng kể. Riêng về điều phê phán sự liên hệ giữa tác phẩm của tôi với dòng văn chương Tự Lực Văn Đoàn dù đúng hay sai cũng là quyền của độc giả. Tôi chỉ mong mỗi trước khi kết luận, xin hãy đọc trước đã, vì bây giờ tôi thấy có một khuynh hướng văn nghệ gọi là rì tai, nghĩa là có người chỉ nghe nói, mà không đọc—Lời nhận định này không có ý nghĩa là tôi phủ nhận giá trị của dòng văn chương Tự Lực Văn Đoàn, là dòng văn chương mà tôi đã hấp thu được nhiều tinh hoa ngay từ khi còn cắp sách đi học và đã mở cho tôi con đường yêu mến văn chương, nghệ thuật.

3) Việc đề cập đến một độc giả tên H. là điều tôi đã ngỡ ý không muốn thực hiện trong bài phỏng vấn. Bởi vì điều đó không liên quan gì đến toàn thể độc giả. Nhà văn nào mà chẳng có một số không nhiều thì ít độc giả "mến thích" và theo dõi tác phẩm của mình. Nhưng chỉ nên coi đó là một thành công của tác giả chứ chẳng nên đề cập đến từng trường hợp độc giả tên A, tên B...v.v... Vì nếu làm như vậy sẽ trở nên nhảm tai toàn thể độc giả và chẳng giúp ích gì thêm cho sinh hoạt văn chương, nghệ thuật.

NHẬT TIẾN

giữa tòa soạn



và bạn đọc

Anh NGUYỄN UYÊN THUẬN, KBC 4495.— Đã nhận được đoàn văn «Lời Tình Buồn Quê Hương» của anh. Đang đọc. Đường như tôi từng nhận được thư của anh, khi còn ở tờ Nghệ Thuật? Ba bài thơ sẽ đăng.

PHAN THẢO VY.— Cảm cái phong bì trắng, tưởng sắp được mời đi dự tiệc. Hai bài thơ của anh(?) sẽ đăng.

Có VƯƠNG PHONG LAN (Cần Thơ).— Cảm ơn lời chúc hạnh phúc ngập tràn của cô. Nhớ chứ. Chưa quên bao giờ. Thơ đang đọc có thể sẽ đăng một bài. Cứ gửi tiếp.

Anh NGUYỄN THÀNH LONG.— KBC 3321. Về khuôn khổ tờ báo rất khó sửa đổi. Khó nhớ thì dễ cắt hơn, nhưng khó làm, khó đẹp. Đồng ý với anh tăng thêm 5đ. Không đáng là bao, nhưng chỉ sự các bạn đọc giả khó, tính khác. Tiểu luận đã có đều, mỗi kỳ một bài. Cảm ơn những ý kiến của anh. Thơ anh sẽ đăng.

Anh HOÀI DIỄM TỪ (Cà Mau).— Ở mãi Cà Mau mà cũng có KH sao? Thư không một lời nào. Sẽ đăng mấy bài lục bát. Nhớ gửi tiếp.

Anh ĐOÀN HUY GIAO.— Sẽ đăng một bài thơ. Bài KHÔNG NGỦ. YÊN. Cứ gửi tiếp.

Anh ĐẶNG ĐÌNH TÔNG.— Giáo sư Trường Võ Bị Đà Lạt. Đăng bài «Đêm Cao Nguyên» của anh trong kỳ này. Nếu anh sắp về Sg, mời ghé

lại Tòa Soạn chơi. Trong trường hợp còn lâu, tôi sẽ liên lạc bằng thư từ

Anh NGUYỄN KIM PHƯỢNG (KBC 4061).— Đã nhận được thư vượn văn dịch Pearl Buck của anh đang đọc. Rất mong sự cộng tác của anh. Tôi thường gặp Gung Tích Biên ở Saigon. Sẽ nhân Biên gửi sách cho anh.

Anh THẾ HOÀI.— Mới nhận được lời phê bình quý báu của anh qua lời các anh Hoàng Ngọc Liên, Đặng Trần Huân. Xin gửi bài cho, nhất là Bút Ký Chiến Tranh, đăng ngay.

ĐÃ PHÁT HÀNH:

ĐOÀN QUÂN MŨ ĐỎ

Truyện dài của HOÀNG-NGỌC-LIÊN

Bạn đọc yêu sách quý muốn có bản đặc biệt với chữ ký của tác giả, xin thư về Hoàng Ngọc Liên hộp thư 610 Saigon

Tìm hiểu văn hóa cổ truyền là một công việc thật khó khăn, phức tạp đối với những người lưu tâm đến nền văn hóa dân tộc. Khó khăn đến từ mọi phía. Từ sự thiếu thốn tài liệu, vì trải qua suốt bao năm nô lệ chính chiến và phân ly những chứng tích của "bốn ngàn năm văn hiến" đã bị thất lạc, tiêu hủy gần hết. Hoặc giả, nếu còn sót lại đôi chứng tích, thì đó có khi chỉ là vài tài liệu viết tay bằng Hán văn (có thể tam sao thất bản) đôi câu chuyện truyền khẩu hiếm hoi.

Hơn nữa công việc tìm hiểu để phát huy nền văn hóa cũ của dân tộc thật bạc bẽo, không có chi là "hấp dẫn" về mặt "Lợi, Lộc"; do đó số người lưu tâm nghiên cứu không nhiều nhân gì.

Người thức giả, trước tình trạng trên, chắc sẽ chán nản khi nghĩ đến một viễn ảnh đen tối: kho tàng văn hóa cũ hơn một lần đã là điều hãnh diện của dân tộc, sẽ dần dần bị quên lãng để đi vào... "lòng đất mẹ"!

Trong tình trạng thế này nói trên, sự nghiên cứu, sưu tầm và phổ biến nền văn hóa cổ truyền của dân tộc quả là một công trình quí báu.

Nhà xuất bản Hoa Lư vừa làm một công việc quí báu là ấn hành một tác phẩm công phu của hai tác giả Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huệ, khảo tầm về lễ nghi và vũ khúc cổ điển với tựa là "Những Đại lễ và vũ khúc của vua chúa Việt Nam". Sách dày 560 trang, khổ 16x23, ghi giá 350 đồng. Sách được ấn hành dưới sự bảo trợ của Bộ Văn Hóa.

Sách chia làm hai phần: Phần thứ nhất chép theo niên lịch 36 Đại lễ của các Triều Lý, Trần, Lê, Tây Sơn, Nguyễn. Phần thứ hai mô tả sơ lược 11 vũ khúc lưu truyền trong Đờn Nguyễn.

Trong phần thứ nhất, độc giả sẽ lần lượt được biết qua những đại lễ đã được cử hành ra sao trong những cung vua chúa thời xưa:

— Lễ Tế giao (lễ tế Trời, Đất) mà các vị đế

quang đặt ra, lấy nghĩa vua thay Trời trị dân, vỗ yên trăm họ; vua là con Trời nên phải tế Trời cũng như con phải nuôi cha mẹ. Hằng năm vua tế Trời là giữ đạo làm con. Từ Đờn Lý ở nước ta, vua Anh Tông (1138-1175) bắt đầu cử hành Đại lễ nói trên và cứ 3 năm cử hành một lần.

Những nghi thức và phẩm phục của vua quan cùng các bài văn tế của đại lễ Tế giao đã được tác giả thuật lại rành rọt, tỉ mỉ.

Sau lễ Tế giao là lễ Tịch Điền (vua tế Thần Nông rồi thân cày ruộng, có ý khuyến dân chăm lo nghề nông và tỏ cho dân biết lúc nào vua cũng lưu tâm đến việc cày cấy). Cứ chỉ cày tượng trưng một vài luống đất của nhà vua làm người đọc liên tưởng đến những buổi lễ "đặt viên đá đầu tiên" của những giới quyền chức bây giờ. Chiếc cày vua dùng trong buổi lễ là một chiếc cày sơn vàng, bỏ cũng được phủ lụa vàng trên lưng. Các Hoàng thân quốc thích, các bộ lão chức sắc tế tựu quanh vua để giúp đỡ vua trong cử chỉ "thần dân" này. Những ca sinh hát vang những lời ca của "khúc Hòa Tử" sách chép bằng Hán văn, được Trần Gia Arn dịch ra quốc ngữ. Đại ý ca tụng lòng vua chú trọng việc nông tang.

Sau hai lễ trên là lễ Minh Thệ (chú ý đào luyện cho văn võ bách quan lòng trung thành với Hoàng gia), Lễ Tế văn Miếu để tỏ lòng tín mộ Đức Khổng Tử, Lễ Quốc Tế đền Vua Đinh Tiên Hoàng Ngày Hội đua thuyền đờn Lý, lễ sinh nhật vua Lý Thái Tông, Lễ Tầm Phật và Phóng sinh đờn Lý, Tết Nguyên Đán đờn Trần với những yến tiệc trong cung Vua kéo dài từ ngày lập xuân đến đầu tháng hai, một dịp để các ca nhi múa hát biểu diễn tài nghệ trước vua v.v.,

Tất cả những đại lễ của thời vua chúa cũ đã được tác giả tả lại tỉ mỉ trong suốt 435 trang sách của phần thứ nhất. Từ những chi tiết của nghi thức

đại lễ, những phẩm phục, tế phục cùng những văn tế, những ý nghĩa cao đẹp của mỹ tục đều được thuật lại thật rõ ràng gây cho người đọc một ý về những nét đẹp của phong tục cao quý của thời xưa.

Phần thứ hai gồm 115 trang sách, được giả dùng để trình bày những điệu ca vũ trình trong cung Vua chúa thời xưa trong các dịp Lễ, Quốc Khánh.

Theo tác giả, "những vũ khúc cổ thất lạc nhiều, đến đời Nguyễn chỉ còn 11 khúc, bài toàn bằng chữ Hán". Tất cả những vũ khúc trên, khi trình diễn vũ sinh miệng ca, tay múa với điệu nhạc hòa tấu.

11 vũ khúc đó là: Bát Dật, Lục cúng, tinh chúc thọ, Bác Tiên hiền thọ, Trình tường khánh, Đấu chiến thắng Phật, Tứ Linh, Nữ Tư xuất Quân, Vũ Phiến (múa quạt), Tam Quốc Tây Lục triết hoa ma đăng.

Những nhạc cụ dùng trong các cuộc múa gồm đàn, trống, hồ, nhị, sáo, kèn, khánh v.v. cũng đã được tác giả lược kể không kém phần rành. Thêm vào đó, đại lịch của mỗi vũ khúc c nghi thức múa và những lời ca bằng Hán văn (có ra Quốc ngữ) cũng được thuật đầy đủ.

Sách còn có 35 tranh ảnh về những tế phục quạt, phong cảnh và những cảnh trình diễn vũ khúc việc sưu tầm của tác giả thật công phu, giá

Với cuốn "Những Đại Lễ và Vũ Khúc của Vua chúa v.v." của Đỗ Bằng Đoàn và Đỗ Trọng Huệ, tịch nghèo nàn của chúng ta về Văn hóa cổ truyền có thêm một tài liệu quí hóa và cần thiết.

Không phải là một nhà chuyên môn nghiên văn hóa cổ, nên người đọc không thể phê phán sự chính xác của những tài liệu đã được tác giả trích dẫn. Nhưng, đơn thuần với tư cách của kẻ hãnh diện về "bốn ngàn năm văn hiến" của tộc, người đọc thấy việc làm của hai nhà văn Đỗ thật đáng quý.

Vương xưa

(Tiếp theo trang 15)

Vì thế ta thấy đứa trẻ con bình yên sung sướng, hồn nhiên nhưng không biết mình sung sướng, không ý thức được hạnh phúc của mình vì nó đang đồng hóa hoàn toàn với Hạnh Phúc.

Tuổi của thằng Bờm là tuổi của Hạnh Phúc. Nhưng nhìn ở chính con người nó, ở hành động, ở lời ăn tiếng nói của nó ta còn thấy cái đáng đáp Hạnh Phúc Theo Tư Tưởng Lão Trang nữa.

Bờm sống thuần phác, mập mạp thấp thoáng, không bị ràng buộc. Theo lối nói của Lão Tử, bản thân nó hiện rõ trong sạch, trắng nõn, ôm giữ một mạc, ít riêng tây, ít ham muốn. Nó động mà không biết làm gì cả không biết đi đâu, mình như cành cây khô, lòng như tro nguội, ăn với đất, vui với trời, không lấy người vật lợi hại cùng vương mắc, không cùng làm tai quái, không cùng bày đặt mưu mô, không cùng làm công này việc nọ, với thoáng mà qua không biết gì mà đến. Như vậy sao còn có tai vạ.

Trong khi Phú ông ham muốn ngoại vật, không kim hãm được lòng DỤC cho khỏi rung chuyển để đến nỗi nó tràn trề đầy rẫy trong tâm hồn thì về phía Bờm lại yên lặng, chẳng chút mây may xuyến, không làm, không muốn, không ham vì dường như cho là không đủ và có cái gì bị bỏ mất.

Cái thái độ ung dung thích thẳng của Bờm đã như vậy mà ngay cái cung cách ăn nói vụng về của nó, nói không ra lời, chưa biết diễn đạt ý tưởng, để khi từ chối thì phải lặp lại những tiếng đã có sẵn khi người ta hỏi, còn khi đồng ý thì chỉ biết

nhỏn miêng cười, chính cái cung cách ấy cũng đã biểu hiện một phần lớn tư tưởng Lão Trang.

Và ngay cái thái độ không đòi quạt lấy những vật quý giá mà chỉ đòi lấy năm xôi của Bờm cũng mang nặng tính chất Lão Trang nữa. Đó là một thứ triết lý tự nhiên, thỏa thích ý của người mà không tìm sự thỏa thích mình. (thích nhân chỉ thích bất tự thích kỳ thích). Cái thái độ buông bỏ của Bờm là thái độ không chịu lọt vào vòng hệ lụy, cảm thất, không cho cái quạt, là vật bên vững trường cửu, mà cũng không hề để ý đến năm xôi là vật dễ biến, dễ hư. Cái quạt chỉ là vật ngoại thân, thân còn rửa sạch, lọ là cái quạt. Mà ở đời nếu cứ ôm ấp một cái gì mãi thì sẽ mang họa,

nhất là cái mình có mà người khác làm le tuột đoạt. Nay nếu người khác tranh giành mà mình buông ra thì làm gì còn tranh giành nữa. Ôi chỉ duy không tranh giành cho nên trong thiên hạ không ai tranh giành với mình, như thế mới giữ được trọn vẹn thiện chân.

Thế còn Phú ông? Phú ông tiêu biểu cho hạng người nhiều dục vọng. Ông không hài lòng với cái hiện có, mặc dù cái ông đang có là cái mà nhiều người khác ao ước. Ông đi tìm Hạnh Phúc, nhưng mãi mà chưa hề gặp. Theo tiếng nhà Phật, có thể nói con người Phú ông đang ngụp lặn trong Vũng Tham, ông bị cái Vô Minh bủa lưới. Lòng tham đã khiến ông lo lắng buồn phiền. Ông rảo tìm

Cái Rất Mực Sung Sướng, Giả sử ông nghĩ rằng cái quạt mo đã làm cho Bờm sung sướng, nay ông muốn tìm các đôi lầy cái quạt mo đó, mà có để được chắc chắn ông cũng chẳng được sung sướng nào, bởi vì cái tâm ổn chưa lắng, chưa yên.

Câu chuyện thẳng bờm phú ông này làm ta liên tưởng đến chuyện một hoàng tử buồn phiền đi khắp nơi để xin đôi chiếc áo của kẻ sung sướng. Nhưng tiếc thay kẻ sung sướng mà hoàng tử gặp đang cày ruộng háng hái ngao kia lại ở trần không có áo.

Trên chúng tôi đã có dịp trình bày bài ca dao thẳng Bờm theo nhiều khía cạnh. Và hiển nhiên, lối giải thích theo chiều hướng triết học trên đây cũng chỉ là một khía cạnh. Còn việc nên hiểu bài ca dao đó như thế nào là tùy thuộc nhận định của mỗi người. Cũng chính theo quan điểm triết học nên chúng tôi nghĩ rằng cái khó là biết đặt vấn đề chứ không phải ở chỗ biết cách giải quyết vấn đề. Vấn đề đặt ra có thể chỉ có một nhưng cách giải quyết có nhiều.

Để chấm dứt bài khảo luận này, chúng tôi xin mượn mấy nhân định sau đây của ông Nghiêm Toàn làm kết luận, mặc dù có điểm chúng tôi không hoàn toàn đồng ý:

"Xét về nội dung, ca dao là một tấm gương phản chiếu tâm hồn cả một dân tộc, ca dao Việt Nam lại rất mực dồi dào phong phú, phân tích hoặc xếp thành chương mục khó lòng hết được; và lại sẽ làm giảm vẻ đẹp tự nhiên như người phá rừng sửa thành vườn cảnh, hay đem núi non, hoa cỏ bày vào trong bể cạn, bên tường..." (Nghiêm Toàn, Việt Nam Văn Học Sử trích yếu, in lần thứ hai, Nhà sách Vĩnh Bảo, Sài Gòn, 1949, tr. 21).

đêm cao nguyên

(Tiếp theo trang 9)

những đêm không ngủ). Buổi sáng dù vậy, tôi cũng phải lên đường sau tiếng còi hú để trả lại cho ngày những bước chân đôi hồi hã. Và rồi, tôi sẽ đi ngược mấy con dốc để, lúp xúp xuống mấy quãng dốc nữa.

Đứng chờ xe, ở một ngã tư nhiều đờn học trò thò ra từng giọt khói sáng trong sương. Mặt hồ, sương bông bành từng mảng trời nhẹ. Những cánh bèo được tắm sương trên mặt hồ để khỏi héo khô sau một ngày nắng đỏ.

Tôi nhìn xuống chiếc giày mạp, bông đã như vòm qua chưa kịp gõ viên sỏi mắc ở dưới đế. Tôi ngồi xuống trên bờ đá ướt và lại cúi đầu nhìn sỏi nhẵn ra khỏi đế, bỏ vào túi. Tôi chợt nghĩ, lát nữa trên chuyến xe đưa trước, tôi sẽ đưa viên sỏi này

cho chị Hạnh, chị nhớ về đưa cho cháu Lili. Và tôi sẽ dành cho Nhung cái khác, đó có thể là...

Tôi bước lên xe trong cơn quên lãng. Tôi thường khởi đầu một điều khác bằng cơn quên lãng một điều cũ (điều khác có thể là 1 ý nghĩ, 1 sự việc...) Tôi nhìn sâu vào xe, những đôi giày mạp sắp xếp, chen lẫn một vài bản chân nhỏ nhắn, thướt tha. Cửa Van, của Hạnh... Tôi nói với chị Hạnh:

— Sao, Giữa chị và Thắng Bozík giờ ra sao?

— Chuẩn ury k!

Tôi nhìn sâu trong mắt chị Hạnh, và bỗng thấy chị Hạnh sao giống Nhung lại! Tôi lảng nhìn sau xe, những lần khởi đèn vụt nhanh che mắt thẳng bờ cỏ ro đến trường bên lề cỏ ướt. Tôi nhắm mắt giả vờ ngủ. Giả vờ đầu khác mấy với đóng kịch. Và lại, có ai không đóng kịch trong cái đời này?